



BỘ XÂY DỰNG  
TRUNG TÂM THÔNG TIN

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN  
& KHOA HỌC  
CÔNG NGHỆ  
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỶ

18

Tháng 9 - 2020

# NGHIỆM THU ĐỀ TÀI “ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP LUẬN VỀ QUY HOẠCH VÀ QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ”

Hà Nội, ngày 23 tháng 9 năm 2020



*PGS.TS.KTS. Lưu Đức Cường - Chủ nhiệm đề tài báo cáo trước Hội đồng*



*Thứ trưởng Nguyễn Tường Văn kết luận cuộc họp*

# THÔNG TIN XÂY DỰNG CƠ BẢN & KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG  
**MỖI THÁNG 2 KỶ**  
TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH  
**NĂM THỨ HAI MỘT**

**18**

**SỐ 18 - 9/2020**



**TRUNG TÂM THÔNG TIN**

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : (04) 38.215.137

(04) 38.215.138

FAX : (04) 39.741.709

Email: ttth@moc.gov.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

## MỤC LỤC

### Văn bản quản lý

#### Văn bản các cơ quan TW

- Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định thành lập 5  
Khu kinh tế ven biển Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh
- Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập quy 6  
hoạch tỉnh Yên Bái thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến  
năm 2050
- Bộ Xây dựng công bố thủ tục hành chính mới ban 8  
hành trong lĩnh vực quy hoạch kiến trúc thuộc phạm vi  
chức năng quản lý nhà nước của Bộ
- Bộ Xây dựng ban hành Phương án ứng phó thiên tai 11  
theo các cấp độ rủi ro thiên tai của Bộ Xây dựng
- Bộ Xây dựng ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận 14  
số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục  
thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về  
đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng  
yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện  
kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội  
nhập quốc tế

#### Văn bản của địa phương

- UBND tỉnh Bắc Ninh ban hành Khung giá bán, giá cho 16  
thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội do các hộ gia đình, cá  
nhân đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh

## **CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH**

**BẠCH MINH TUẤN**

**Phó giám đốc Trung tâm**

**Thông tin**

### **Ban biên tập:**

CN. BẠCH MINH TUẤN  
(Trưởng ban)

CN. ĐỖ THỊ KIM NHẠM

CN. NGUYỄN THỊ LỆ MINH

CN. TRẦN ĐÌNH HÀ

CN. NGUYỄN THỊ MAI ANH

CN. NINH HOÀNG HẠNH

### **Khoa học công nghệ xây dựng**

- Nghiên cứu, đánh giá nguyên nhân hư hỏng của các cột điện bê tông ly tâm do gió bão và đề xuất giải pháp khắc phục 19
- Nghiên cứu đổi mới phương pháp xác định chi phí đầu tư xây dựng, dịch vụ đô thị 20
- Nghiệm thu 02 Dự thảo TCVN do Viện IBST thực hiện 23
- Nghiệm thu Dự thảo TCVN “Vách ngăn trong xây dựng - Phương pháp thử” 25
- Hiệu quả cách chấn và đề xuất giải pháp ứng dụng gói cách chấn đàn hồi cốt sợi Frei cho công trình dân dụng thấp tầng chịu tải trọng động đất ở Việt Nam 26
- Nghiệm thu Đề tài “Đổi mới phương pháp luận về quy hoạch và quản lý phát triển đô thị” 28
- Nghiệm thu Dự án sự nghiệp kinh tế: “Khảo sát, đánh giá tình hình xây dựng và triển khai thực hiện Chương trình, Kế hoạch phát triển nhà ở của các địa phương” 31

### **Thông tin**

- Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn làm việc với các tỉnh Tiền Giang, Long An, Bến Tre về Dự án Trạm bơm nước thô Cái Bè 33
- Hội thảo Tập huấn Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng 34
- Hội nghị Thẩm định Nhiệm vụ Quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế Cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh tỉnh Gia Lai đến năm 2045 37
- Khu vực dự kiến thành lập thị xã Chơn Thành đạt tiêu chí đô thị loại IV 38
- Từ thành phố vườn tới thành phố sinh học - kỹ thuật số 40
- Sự phát triển và xu thế của công trình hao phí năng lượng gần bằng 0 tại Trung Quốc 45



## VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

# **Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định thành lập Khu kinh tế ven biển Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh**

Ngày 24 tháng 9 năm 2020, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 29/2020/QĐ-TTg thành lập Khu kinh tế ven biển Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh.

### **1. Mục tiêu phát triển chủ yếu của Khu kinh tế ven biển Quảng Yên**

- Khai thác lợi thế về điều kiện tự nhiên, vị trí trong việc kết nối kinh tế, thương mại, dịch vụ với các khu kinh tế ven biển như: Vân Đồn, Đình Vũ – Cát Hải, Thái Bình nhằm phát triển nhóm các khu kinh tế ven biển để phát huy tiềm năng, lợi thế cạnh tranh của từng khu kinh tế và xây dựng mối liên kết về phát triển kinh tế - xã hội giữa các khu kinh tế với khu vực lân cận. Kết hợp chặt chẽ giữa thu hút đầu tư, phát triển kinh tế với bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo tồn và phát huy giá trị của hệ sinh thái biển, di tích lịch sử, văn hóa trong khu vực.

- Xây dựng và phát triển thành khu kinh tế ven biển đa ngành, hình thành trung tâm công nghiệp, dịch vụ, hậu cần cảng và đô thị hiện đại, thông minh của tỉnh Quảng Ninh và khu vực Đồng bằng sông Hồng. Tạo môi trường sống hiện đại thông qua phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội; phát triển các ngành, lĩnh vực có hàm lượng công nghệ cao, thân thiện với môi trường, trung tâm nghiên cứu

và phát triển.

- Tạo việc làm, đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng thu nhập cho người lao động.

### **2. Hoạt động, cơ chế, chính sách và tổ chức quản lý đối với Khu kinh tế ven biển Quảng Yên**

Hoạt động, cơ chế, chính sách và tổ chức quản lý đối với Khu kinh tế ven biển Quảng Yên thực hiện theo pháp luật quy định về khu công nghiệp, khu kinh tế, pháp luật về đầu tư và các văn bản pháp luật liên quan.

### **3. Lộ trình và kế hoạch phát triển**

- Giai đoạn I (từ năm 2020 - 2021): xây dựng cơ sở hạ tầng cơ bản phục vụ cho dự án trong khu kinh tế.

- Giai đoạn II (từ năm 2021 - 2025): tập trung xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng và các khu chức năng của khu kinh tế.

- Giai đoạn III (từ năm 2026 - 2035): đầu tư đồng bộ kết cấu hạ tầng của toàn Khu kinh tế ven biển Quảng Yên, từng bước hình thành đô thị thông minh.

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 11 năm 2020.

**Xem toàn văn tại ([www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn))**

## **Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Yên Bái thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

Ngày 17 tháng 9 năm 2020, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 1421/QĐ-TTg phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Yên Bái thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

### **Quan điểm lập quy hoạch**

- Việc lập Quy hoạch tỉnh Yên Bái thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải bảo đảm phù hợp, thống nhất, đồng bộ với mục tiêu, định hướng quy hoạch cấp quốc gia; quy hoạch vùng; Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 của cả nước; chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh và phát triển bền vững; các điều ước quốc tế mà Việt Nam là nước thành viên; bảo đảm sự tuân thủ, tính liên tục, kế thừa, ổn định, thứ bậc trong hệ thống quy hoạch quốc gia.

- Quy hoạch lập trên cơ sở đánh giá đúng thực trạng, dự báo xu hướng phát triển để khai thác có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của các địa phương; bảo đảm tính khả thi và phù hợp với khả năng cân đối, huy động nguồn nội lực và các nguồn lực từ bên ngoài trên tất cả các lĩnh vực, các vùng của tỉnh; liên kết chặt chẽ giữa các địa phương trong tỉnh và giữa Yên Bái với các tỉnh trong vùng Trung du và miền núi phía Bắc, vùng đồng bằng sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc và cả nước; xây dựng Yên Bái phát triển nhanh và bền vững trên cả 3 trụ cột kinh tế, xã hội và môi trường.

- Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với bảo đảm an sinh xã hội, bình đẳng giới, giảm nghèo bền vững, nâng cao mức sống vật chất, thụ hưởng văn hóa, tinh thần của người dân; chủ động hội nhập và hợp tác quốc tế; quan tâm đầu tư phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, giữ gìn, phát huy bản

sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc thiểu số, tạo sự thống nhất trong đa dạng nền văn hóa Việt Nam; tăng cường quốc phòng, ổn định an ninh chính trị, bảo đảm trật tự an toàn xã hội; sử dụng hợp lý, hiệu quả đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; tái cơ cấu dân cư theo hướng tập trung để tiết kiệm chi phí hạ tầng.

- Xây dựng và cụ thể hóa các quan điểm chỉ đạo về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an sinh xã hội; chú trọng thúc đẩy phát triển các khu vực có điều kiện khó khăn, đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và bảo đảm sinh kế bền vững, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân; phân bổ, khai thác và sử dụng hợp lý, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên gắn với bảo tồn các giá trị lịch sử - văn hóa, di sản thiên nhiên cho các thế hệ hiện tại và tương lai.

- Bảo đảm tính khoa học, khách quan, công khai, minh bạch; ứng dụng công nghệ hiện đại, kết nối liên thông, tiết kiệm, hiệu quả; hài hòa lợi ích của quốc gia, các vùng, các địa phương; lợi ích của người dân và bảo đảm các nguyên tắc cơ bản trong hoạt động quy hoạch quy định tại Điều 4 Luật Quy hoạch năm 2017.

### **Nguyên tắc lập quy hoạch**

- Bảo đảm sự tuân thủ, bám sát các quy trình, nội dung, nguyên tắc theo Luật Quy hoạch, Nghị định, Thông tư hướng dẫn thực hiện Luật Quy hoạch.

- Bảo đảm tính thống nhất, tổng thể, đồng bộ và hệ thống giữa quy hoạch tỉnh với quy hoạch cấp quốc gia; quy hoạch vùng; Chiến lược, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm sự kết hợp hiệu quả giữa quản lý ngành/lĩnh vực với quản lý lãnh thổ, bảo vệ môi trường và quốc phòng, an ninh; các phân tích,

đánh giá và định hướng phát triển được dựa trên mối quan hệ tổng thể, có tính hệ thống, tính kết nối liên ngành, liên lĩnh vực và liên vùng.

- Bền vững và dài hạn: bảo đảm lập quy hoạch dựa trên cả ba trụ cột kinh tế, xã hội và môi trường cho một thời gian dài, tầm nhìn đến năm 2050.

- Bảo đảm tính khả thi và thích ứng trong triển khai, phù hợp với nguồn lực thực hiện của tỉnh thời kỳ 2021-2030 và khả năng huy động nguồn lực trong tầm nhìn đến năm 2050; xây dựng các phương án, định hướng phát triển phù hợp với xu thế phát triển và vận động của bối cảnh trong và ngoài nước, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Bảo đảm tính kế thừa và tính mở để tiếp cận các phương pháp quy hoạch hiện đại; nội dung quy hoạch sẽ chọn lọc, kế thừa các chủ trương chính sách lớn của Đảng và Nhà nước cũng như các quy hoạch cấp quốc gia.

- Bảo đảm tính thị trường trong việc huy động các yếu tố, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh cũng như trong xây dựng định hướng phát triển, tổ chức không gian phát triển các ngành, lĩnh vực trên địa bàn; bảo đảm nguyên tắc thị trường có sự quản lý của Nhà nước trong phân bổ nguồn lực.

- Bảo đảm tính liên kết, đồng bộ, khai thác và sử dụng hiệu quả hệ thống kết cấu hạ tầng hiện có giữa các ngành và các vùng liên huyện, các địa phương trên địa bàn tỉnh; xác định cụ thể các khu vực sử dụng cho mục đích quân sự, quốc phòng, an ninh ở cấp tỉnh, liên huyện và định hướng bố trí trên địa bàn cấp huyện.

- Bảo đảm tính liên kết không gian, thời gian trong quá trình lựa chọn các công cụ sử dụng trong hoạt động quy hoạch.

- Bảo đảm tính khách quan, công khai, minh bạch, có sự tham gia của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân theo quy định; bảo đảm hài hòa giữa lợi ích của nhà nước và lợi ích của cộng đồng và giữa lợi ích của các vùng, các huyện, thành phố trong tỉnh.

### **Nội dung lập quy hoạch**

Nội dung Quy hoạch tỉnh Yên Bái thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải thực hiện theo đúng các quy định tại Điều 27 Luật Quy hoạch năm 2017 và Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ, gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Phân tích, đánh giá thực trạng và dự báo các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh Yên Bái và thực trạng phát triển kinh tế - xã hội

- Phân tích, đánh giá, dự báo các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh Yên Bái.

- Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng hệ thống đô thị và nông thôn.

- Đánh giá việc thực hiện quy hoạch thời kỳ trước.

- Tổng hợp, đánh giá những tồn tại, hạn chế cần giải quyết; điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức trong thời kỳ quy hoạch.

b) Xây dựng quan điểm, mục tiêu và lựa chọn các phương án phát triển, phương án quy hoạch, phương hướng phát triển các ngành quan trọng và phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh

- Xây dựng quan điểm, mục tiêu và lựa chọn phương án phát triển.

- Xác định phương hướng phát triển các ngành quan trọng trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng và lựa chọn các phương án:

- + Phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội.

- + Phương án quy hoạch và phát triển hệ thống đô thị, nông thôn, các khu vực và khu chức năng; phương án tổ chức lãnh thổ và phân bố dân cư (thực hiện theo đúng quy định tại điểm d khoản 2 Điều 27 Luật Quy hoạch năm 2017).

- + Phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội (thực hiện theo đúng quy định tại các điểm đ, e, g, h, i, k khoản 2 Điều 27 Luật Quy hoạch năm 2017).

- + Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến

từng đơn vị hành chính cấp huyện.

+ Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện.

+ Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng hóa sinh học trên địa bàn tỉnh.

+ Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên trên địa bàn tỉnh.

+ Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra.

+ Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.

+ Danh mục dự án của tỉnh và thứ tự ưu tiên thực hiện.

+ Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch.

c) Các nội dung đề xuất nghiên cứu để phát huy tiềm năng, lợi thế của tỉnh

Các nội dung đề xuất nghiên cứu tích hợp vào Quy hoạch tỉnh Yên Bái phải bảo đảm cơ sở khoa học, phù hợp với điều kiện thực tiễn, nhu cầu phát triển, yêu cầu quản lý nhà nước tại địa phương và quy định của pháp luật; tập trung vào nghiên cứu cơ sở hình thành, phương hướng phát triển các vùng, địa phương, các ngành, lĩnh vực để phát huy tiềm năng, lợi thế của tỉnh nhằm đạt được mục tiêu phát triển cân đối, hài hòa, hiệu quả và bền vững.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Xem toàn văn tại ([www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn))

## **Bộ Xây dựng công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực quy hoạch kiến trúc thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ**

Ngày 07 tháng 9 năm 2020, Bộ Xây dựng đã có QUYẾT ĐỊNH SỐ 1186a/QĐ-BXD về công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực quy hoạch kiến trúc thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ.

**Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực kiến trúc**

1. Thủ tục hành chính cấp trung ương

Công nhận tổ chức xã hội - nghề nghiệp, cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo đủ điều kiện thực hiện sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc

Cơ quan thực hiện: Bộ Xây dựng

2. Thủ tục hành chính cấp tỉnh

- Cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc

- Cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc

- Cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp chứng chỉ hành nghề

- Gia hạn chứng chỉ hành nghề kiến trúc

- Công nhận chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam

- Chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam

- Cơ quan thực hiện: Cơ quan chuyên môn về kiến trúc thuộc UBND cấp tỉnh

**Nội dung cụ thể của từng thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của bộ xây dựng**

*Thủ tục hành chính cấp Trung ương*

1. Thủ tục công nhận tổ chức xã hội - nghề nghiệp, cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo đủ điều kiện thực hiện sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc

1.1. Trình tự thực hiện

- Tổ chức xã hội - nghề nghiệp, cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo nộp 01 bộ hồ sơ trực tuyến, qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (viết tắt là Bộ phận một cửa) tại Bộ



Xây dựng.

- Bộ phận một cửa kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ và tiếp nhận, chuyển cho đơn vị giải quyết thủ tục hành chính.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Bộ Xây dựng thông báo một lần bằng văn bản tới tổ chức đối với trường hợp hồ sơ cần bổ sung, hoàn thiện.

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Xây dựng có trách nhiệm ban hành Quyết định công nhận tổ chức đủ điều kiện thực hiện sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc.

- Tổ chức đăng ký nhận kết quả thông qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận một cửa.

- Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày ban hành Quyết định, Bộ Xây dựng đăng tải Quyết định trên trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng.

#### 1.2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tuyến, qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận một cửa.

#### 1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

##### a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị công nhận tổ chức xã hội - nghề nghiệp, cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo đủ điều kiện thực hiện sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc theo mẫu số 01 Phụ lục III Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc.

- Bản thuyết minh về khả năng đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 3 Điều 26 của Luật Kiến trúc, gồm:

+ Tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật;

+ Có lĩnh vực hoạt động liên quan đến hoạt động kiến trúc;

+ Có đầy đủ nhân lực, cơ sở vật chất phục vụ tổ chức sát hạch;

- Bản sao có chứng thực hoặc tệp tin chứa

ảnh màu chụp từ bản chính hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu các văn bản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép hoạt động và phê duyệt điều lệ của tổ chức.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức xã hội - nghề nghiệp, cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo có lĩnh vực hoạt động kiến trúc.

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ Xây dựng.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định công nhận tổ chức đủ điều kiện thực hiện sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc

1.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị công nhận tổ chức đủ điều kiện thực hiện sát hạch theo mẫu số 01 Phụ lục III Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

+ Được thành lập theo quy định của pháp luật;

+ Có lĩnh vực hoạt động liên quan đến hoạt động kiến trúc;

+ Có đầy đủ nhân lực, cơ sở vật chất phục vụ tổ chức sát hạch.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính  
- Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

- Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc.

#### *Thủ tục hành chính cấp tỉnh*

1. Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc

1.1 Trình tự thực hiện

- Cá nhân có nhu cầu cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc nộp 01 bộ hồ sơ trực tuyến, qua dịch vụ bưu chính, trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan chuyên môn về kiến trúc cấp tỉnh;

- Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan chuyên môn về kiến trúc cấp tỉnh kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ tiếp nhận;

- Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tiếp nhận cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc thông báo một lần bằng văn bản tới cá nhân đối với trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ;

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan thẩm quyền có trách nhiệm cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc;

- Cá nhân đăng ký nhận chứng chỉ hành nghề kiến trúc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại địa điểm nộp hồ sơ.

#### 1.2. Cách thức thực hiện:

Cá nhân nộp hồ sơ trực tuyến, qua dịch vụ bưu chính, trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan chuyên môn về kiến trúc cấp tỉnh.

#### 1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

##### a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề theo mẫu số 02 Phụ lục III của Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc;

- 02 ảnh màu nền trắng cỡ 4 x 6 cm được chụp không quá 06 tháng;

- Bằng đại học phù hợp với nội dung chứng chỉ đề nghị cấp; đối với văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp, phải có bản dịch sang tiếng Việt, được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam;

- Các quyết định phân công công việc (giao nhiệm vụ) của tổ chức cho cá nhân hoặc văn bản được xác nhận của đại diện theo pháp luật

của chủ đầu tư về các công việc cá nhân đã hoàn thành theo nội dung kê khai;

- Hợp đồng và biên bản nghiệm thu các công việc theo kê khai (trường hợp cá nhân hành nghề độc lập);

- Giấy tờ hợp pháp về cư trú hoặc giấy phép lao động do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp đối với trường hợp cá nhân là người nước ngoài;

- Kết quả sát hạch đạt yêu cầu còn hiệu lực;

- Ngoại trừ đơn đề nghị, các văn bằng, tài liệu khác phải là bản sao có chứng thực hoặc tộp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu.

##### b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân (Trong nước, nước ngoài) hoạt động kiến trúc trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn về kiến trúc thuộc UBND cấp tỉnh.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng chỉ hành nghề kiến trúc.

1.8. Phí, lệ phí: Theo quy định cụ thể của Bộ Tài chính

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc tại mẫu số 02 Phụ lục III Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Có trình độ đại học trở lên trong lĩnh vực kiến trúc;

- Có kinh nghiệm tham gia thực hiện dịch vụ kiến trúc tối thiểu 03 năm tại tổ chức hành nghề kiến trúc hoặc hợp tác với kiến trúc sư hành nghề với tư cách cá nhân (Cá nhân đạt giải thưởng kiến trúc quốc gia hoặc giải thưởng quốc tế được miễn điều này);

- Đạt yêu cầu sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc (Cá nhân có thời gian liên tục từ 10 năm trở lên trực tiếp tham gia quản lý nhà nước về kiến trúc, đào tạo trình độ đại học trở lên về lĩnh vực kiến trúc, hành nghề kiến trúc được miễn điều kiện này).

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14 ngày

13/6/2019;

- Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 07 tháng 9 năm 2020.

**Xem toàn văn tại ([www.moc.gov.vn](http://www.moc.gov.vn))**

## **Bộ Xây dựng ban hành Phương án ứng phó thiên tai theo các cấp độ rủi ro thiên tai của Bộ Xây dựng**

Ngày 14 tháng 9 năm 2020, Bộ Xây dựng đã có Quyết định số 1215/QĐ-BXD ban hành Phương án ứng phó thiên tai theo các cấp độ rủi ro thiên tai.

### **Nội dung phương án**

#### *1. Mục tiêu*

##### a) Mục tiêu chung

- Xây dựng phương án PCTT theo cấp độ rủi ro thiên tai chi tiết, cụ thể; phân công nhiệm vụ cho các đơn vị rõ ràng nhằm chủ động trong công tác PCTT&TKCN.

- Đảm bảo công tác PCTT được thực hiện kịp thời, hiệu quả bám sát diễn biến của thiên tai và các hiện tượng tai biến địa chất, sự cố ô nhiễm môi trường do thiên tai gây ra; cung cấp kịp thời các thông tin dự báo, cảnh báo, diễn biến tình hình thiên tai cho các cơ quan, ban ngành Trung ương, địa phương phục vụ công tác chỉ đạo nhằm chủ động phòng tránh, giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản do thiên tai gây ra.

- Đẩy mạnh công tác thông tin, truyền thông nhằm đưa thông tin tới tận người dân, nâng cao năng lực cộng đồng để nắm bắt tình hình, diễn biến thiên tai và chủ động ứng phó trong các tình huống, giảm thiểu rủi ro và thiệt hại do thiên tai gây ra.

- Tăng cường công tác phối hợp giữa các đơn vị trực thuộc Bộ Xây dựng cũng như hoạt động hợp tác, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương nhằm phát huy năng lực, hiệu quả trong việc thực hiện nhiệm vụ PCTT&TKCN.

- Đảm bảo thực hiện nghiêm các quy định của Luật PCTT, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCTT và Luật Đề điều, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

- Triển khai thực hiện các kế hoạch đã ban hành liên quan đến công tác PCTT: Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP .

##### b) Mục tiêu cụ thể

- Ứng phó các tình huống thiên tai phải bảo đảm nguyên tắc chỉ huy thống nhất, phân công cụ thể, chủ động, kịp thời và phù hợp với diễn biến thực tế tình huống thiên tai;

- Chủ động, sẵn sàng lực lượng, phương tiện cho hoạt động PCTT&TKCN theo từng lĩnh vực, đơn vị trong Bộ; báo cáo kịp thời đến cấp có thẩm quyền khi xét thấy tình huống vượt quá khả năng của đơn vị;

- Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân có liên quan xây dựng phương án đảm bảo an toàn cơ sở hạ tầng, nhà cửa và các công trình thuộc phạm vi quản lý của ngành Xây dựng, cụ thể:

+ Phương án đảm bảo an toàn đối với công

trình đang thi công xây dựng: chỉ đạo, hướng dẫn lập và thực hiện biện pháp đảm bảo an toàn cho người, thiết bị, công trình và các công trình lân cận, đặc biệt công tác đảm bảo an toàn đối với cần trục tháp, máy vận thăng và các thiết bị làm việc trên cao trong mùa mưa bão;

+ Phương án đảm bảo an toàn đối với các công trình tháp (trụ) viễn thông, truyền hình: Yêu cầu các chủ đầu tư, chủ quản lý sử dụng báo cáo chi tiết số lượng công trình đang quản lý, khai thác, sử dụng theo phân cấp công trình (05 cấp theo quy định của Thông tư 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016), thời gian đưa vào sử dụng và vị trí xây dựng, đặc biệt đối với các công trình đặt tại các vị trí xung yếu như: ven biển, hải đảo, khu vực thường xuyên chịu tác động của bão, lũ, xâm thực, khu vực đông dân cư... thực hiện công tác kiểm định chất lượng công trình theo chu kỳ, bảo trì, sửa chữa khắc phục các tồn tại (nếu có); lập kế hoạch và khẩn trương tổ chức thực hiện công tác kiểm định chất lượng công trình sớm phát hiện các nguy cơ, hàng năm thực hiện tốt công tác bảo trì, kết quả báo cáo về Sở Xây dựng địa phương để theo dõi, kiểm tra việc thực hiện các công việc nêu trên;

+ Phương án đảm bảo an toàn đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật: Kiểm tra các biện pháp đảm bảo an toàn cho công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật, hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong đô thị; kiểm soát quy trình cắt tỉa cây xanh đô thị đảm bảo an toàn trong mùa mưa bão; đảm bảo an toàn điện và cung cấp nước sạch cho các vùng bị úng ngập.

+ Phương án đảm bảo an toàn đối với đối với các công trình đang khai thác, sử dụng: Yêu cầu người dân, chủ sở hữu thực hiện gia cố, giằng chống đảm bảo an toàn nhà ở trước mùa mưa bão; đối với các công trình sử dụng mái tôn, mái fibro xi măng, trần nhựa, cửa kính,

công trình gắn panô, biển quảng cáo, bồn chứa nước trên cao phải được kiểm tra, rà soát và có biện pháp sửa chữa, gia cường; các công trình xây dựng tại các khu vực có nguy cơ sạt lở đất như bờ sông, bờ suối, lũ ống, lũ quét phải có đánh giá, cảnh báo cho nhân dân.

+ Phương án khắc phục, xử lý khi có sự cố đối với các loại công trình này: Các đơn vị trực thuộc Bộ phối hợp với địa phương tổ chức khắc phục, xử lý các sự cố thiên tai khi có yêu cầu của địa phương hoặc chỉ đạo của Bộ Xây dựng.

- Phương án đảm bảo tiêu thoát nước đô thị, chống ngập úng: Hướng dẫn địa phương rà soát, kiểm tra hệ thống tiêu thoát nước của khu vực đô thị nhằm đảm bảo việc chống ngập úng khi mưa, lũ.

- Phương án huy động nhân lực, vật tư, phương tiện để xử lý các điểm ngập úng cục bộ khi có mưa lớn: Các đơn vị trực thuộc Bộ phối hợp với địa phương tham gia xử lý, khắc phục các điểm ngập úng cục bộ khi có mưa lớn khi có yêu cầu của Lãnh đạo Bộ hoặc đề nghị của địa phương.

## *2. Phương châm ứng phó với thiên tai*

Thực hiện nghiêm túc phương châm “04 tại chỗ” gồm: Chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; vật tư, phương tiện tại chỗ và hậu cần tại chỗ. Sẵn sàng chủ động phòng tránh, ứng phó kịp thời, khắc phục khẩn trương và hiệu quả. Thực hiện các biện pháp nhằm giảm thiểu đến mức thấp nhất những thiệt hại về người, cơ sở vật chất và tài sản của nhân dân, nhà nước do thiên tai gây ra trên cơ sở dựa vào nguồn lực tại chỗ.

## *3. Phương án ứng phó thiên tai theo các cấp độ rủi ro thiên tai*

### *a. Đối với thiên tai cấp độ 1, 2*

- Chỉ đạo các đơn vị theo dõi chặt chẽ, cảnh báo, dự báo sớm, sát diễn biến các hiện tượng khí tượng thủy văn nguy hiểm; chỉ đạo các đơn vị có liên quan thực hiện công tác dự báo, cảnh báo

theo điều kiện địa phương; phối hợp, liên hệ chặt chẽ với Ban Chỉ huy PCTT&TKCN các địa phương, các cơ quan có liên quan trên địa bàn để đảm bảo cung cấp đầy đủ, kịp thời các bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai đến các địa chỉ theo quy định, phục vụ tốt công tác chỉ đạo PCTT;

- Tùy thuộc vào các tình huống thiên tai thực tế: chỉ đạo công tác đảm bảo an toàn đối với các công trình đang thi công xây dựng; công trình tháp (trụ) viễn thông, truyền hình; công trình hạ tầng kỹ thuật; công trình đang khai thác, sử dụng;

- Hướng dẫn các địa phương lập phương án đảm bảo an toàn đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật và có giải pháp bảo vệ, phòng ngừa, khắc phục sự cố khi xảy ra thiên tai;

- Chủ trì, phối hợp địa phương rà soát quy hoạch, xây dựng kế hoạch nâng cấp hệ thống tiêu thoát nước, chủ động triển khai các phương án, giải pháp khắc phục ngập úng khi mưa lớn, nhất là tại các đô thị;

- Phối hợp địa phương tổ chức, triển khai Phương án huy động nhân lực, vật tư, phương tiện để xử lý các điểm ngập úng cục bộ khi có mưa lớn.

- Hỗ trợ các địa phương ứng phó với thiên tai theo nhiệm vụ, lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

b. Đối với thiên tai cấp độ 3 trở lên

- Quyết định các biện pháp cấp bách, huy động theo thẩm quyền các nguồn lực của Bộ để ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trong phạm vi quản lý của Bộ và hỗ trợ các địa phương;

- Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các đơn vị trực thuộc theo chức năng nhiệm vụ và lĩnh vực quản lý để sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ; xác định rõ vai trò chỉ huy thích hợp theo từng tình huống cụ thể;

- Chỉ đạo các đơn vị theo dõi chặt chẽ, cảnh báo, dự báo sớm, chính xác, bám sát diễn biến các hiện tượng thiên tai nguy hiểm;

- Chủ động phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương, cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin dự báo, cảnh báo thiên tai nhằm thực hiện hiệu quả công tác PCTT&TKCN trong phạm vi cả nước trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật về PCTT và theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo, Ủy ban Quốc gia;

- Chỉ đạo các đơn vị căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao và tình huống thiên tai thực tế xây dựng phương án đảm bảo an toàn đối với cơ sở hạ tầng, nhà cửa và các công trình thuộc phạm vi quản lý của ngành Xây dựng;

- Tổ chức họp để triển khai các biện pháp phòng, chống, ứng phó; triển khai thực hiện các chỉ đạo của Ban Chỉ đạo;

- Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc theo dõi chặt chẽ diễn biến thiên tai, chuẩn bị báo cáo kịp thời theo quy định phối hợp ứng phó với tình huống sự cố, thiên tai để phục vụ lãnh đạo Bộ, lãnh đạo Ban Chỉ huy chỉ đạo công tác phòng, chống, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Xem toàn văn tại ([www.moc.gov.vn](http://www.moc.gov.vn))**

## **Bộ Xây dựng ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế**

Ngày 27/8/2020, Bộ Xây dựng đã có Quyết định số 1143/QĐ-BXD ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

### **Nội dung thực hiện**

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cơ sở giáo dục thuộc Bộ Xây dựng trong việc thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương và Kết luận số 51-KL/TW của Ban Bí thư

- Lãnh đạo đơn vị phối hợp với cấp ủy đảng quán triệt sâu sắc các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương và Kết luận số 51-KL/TW của Ban Bí thư về các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và chủ trương, chính sách của Bộ Xây dựng về phát triển giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực ngành Xây dựng.

- Chủ động, tích cực tuyên truyền, thực hiện tốt các chủ trương của Đảng về phát triển giáo dục và đào tạo, có bước đi thận trọng, chắc chắn trong quá trình tổ chức thực hiện.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác truyền thông nhằm tạo sự đồng thuận, tin tưởng của toàn ngành Xây dựng đối với sự nghiệp đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo,

trước hết là việc đổi mới chương trình và giáo trình giảng dạy.

- Thể chế hóa kịp thời, đồng bộ các quan điểm, chủ trương của Đảng về giáo dục và đào tạo. Chủ động xây dựng, rà soát bổ sung các chương trình, kế hoạch, đề án thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương và Kết luận số 51-KL/TW của Ban Bí thư tổ chức thực hiện hiệu quả.

2. Đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho đội ngũ cán bộ, nhà giáo, sinh viên

- Tiếp tục triển khai thực hiện tốt Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị khóa XII về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong hệ thống giáo dục của toàn ngành.

- Đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị tư tưởng, chú trọng giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và sinh viên; thường xuyên nắm bắt dư luận, diễn biến tư tưởng, thái độ chính trị để có biện pháp xử lý kịp thời.

- Các cơ sở giáo dục và đào tạo trực thuộc Bộ Xây dựng cần thực tốt các nhiệm vụ:

+ Chú trọng xây dựng môi trường văn hóa học đường ngày càng tốt đẹp, gắn với tăng cường giáo dục đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp cho đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo, người lao động tại các cơ sở giáo dục; chú trọng và thường xuyên thực hiện tốt công tác xây dựng Đảng, phát huy vai trò của Đoàn Thanh

niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong việc giáo dục, rèn luyện sinh viên.

+ Đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá trong các cơ sở giáo dục và đào tạo, lồng ghép nội dung “Tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” trong các bộ môn khoa học xã hội và các hoạt động của các cơ sở giáo dục và đào tạo.

+ Tăng cường thực hiện kỷ cương, nề nếp trong các cơ sở giáo dục, đào tạo trực thuộc Bộ.

3. Nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực ngành Xây dựng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và xu hướng hội nhập quốc tế

- Tạo cơ chế nhằm thu hút sự tham gia của các tổ chức trong và ngoài nước, của toàn xã hội về đầu tư cơ sở vật chất và hỗ trợ hoạt động đào tạo của các cơ sở giáo dục và đào tạo trực thuộc Bộ; ưu tiên đầu tư đào tạo những ngành nghề trọng điểm có vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và phù hợp với xu thế của thế giới.

- Nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở đổi mới, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, đầu tư đồng bộ thiết bị đào tạo tại các cơ sở giáo dục trực thuộc Bộ, hướng tới phù hợp với công nghệ sản xuất của doanh nghiệp; đổi mới chương trình đào tạo theo hướng linh hoạt, gắn với định hướng sử dụng kỹ năng lao động của doanh nghiệp; đổi mới phương thức đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun, tín chỉ theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội nhằm đáp ứng nhu cầu học suốt đời của người lao động.

- Triển khai đa dạng hóa các loại hình đào tạo, phát triển các ngành nghề trong lĩnh vực xây dựng tại các cơ sở giáo dục và đào tạo trực thuộc Bộ.

- Đẩy mạnh công tác bồi dưỡng kiến thức tin học, ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động phù hợp với từng lĩnh vực, ngành, nghề; hoàn thành các mục tiêu về thực hiện Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ

thống giáo dục quốc dân và Quyết định số 2080/QĐ-TTg ngày 22/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017 - 2025.

4. Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục

- Thực hiện nghiêm chỉnh trương của Đảng, Nhà nước về tinh giản biên chế gắn với sắp xếp tổ chức bộ máy và cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức trong ngành Giáo dục; rà soát, sắp xếp và bố trí đủ số lượng nhà giáo bảo đảm quy định về khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục, quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp nhà giáo đối với các cấp học.

- Phát triển và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo. Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng luân chuyển, điều động đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục bảo đảm chất lượng, hiệu quả trong quá trình thực thi nhiệm vụ; có chính sách thu hút và đào tạo đội ngũ nhà giáo giỏi.

- Xây dựng lộ trình và thực hiện nâng chuẩn trình độ đào tạo nhà giáo theo quy định của Luật Giáo dục năm 2019, tiến tới toàn bộ đội ngũ được chuẩn hóa về trình độ đào tạo. Thực hiện bồi dưỡng đội ngũ theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp nhà giáo.

5. Tiếp tục đổi mới công tác quản lý; đẩy mạnh công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát; ngăn chặn, xử lý nghiêm những tiêu cực trong hoạt động giáo dục, đào tạo

- Đổi mới công tác quản lý, coi trọng quản lý chất lượng, gắn trách nhiệm quản lý chuyên môn với quản lý nhân sự và quản lý tài chính tại đơn vị. Đẩy mạnh công tác quản trị nội bộ, phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong các cơ sở giáo dục và đào tạo trực thuộc Bộ; tăng cường quản lý các cơ sở giáo dục có yếu tố nước ngoài và các chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài tại các cơ sở giáo dục

trực thuộc Bộ.

- Đẩy mạnh xã hội hóa, xây dựng cơ chế, chính sách mở để khuyến khích các cá nhân, doanh nghiệp và toàn xã hội tham gia đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo, đặc biệt là phát triển giáo dục gắn với nhu cầu xã hội; tăng cường thu hút đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo thông qua hợp tác, liên kết đào tạo.

- Phân bổ, quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí được giao bảo đảm tỷ lệ chi theo đúng quy định; bố trí hợp lý cho chi đầu tư phát triển góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo. Tiếp tục hỗ trợ kinh phí cho những đối tượng chính sách. Phát triển quỹ khởi nghiệp sáng tạo và quỹ khuyến học, khuyến tài hỗ trợ sinh viên và hoàn thiện chính sách tín dụng cho sinh viên.

6. Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong các cơ sở giáo dục và đào tạo

Nâng cao hiệu quả đầu tư đối với công tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong các cơ sở giáo dục và đào tạo trực thuộc Bộ, gắn kết chặt chẽ nghiên cứu với đào tạo, phục vụ sản xuất, kinh doanh và hợp tác quốc tế; xây dựng các chính sách khuyến khích các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề

nh nghiệp thành lập doanh nghiệp công nghệ, hợp tác với doanh nghiệp để sớm chuyển giao công nghệ và kết quả nghiên cứu ứng dụng vào thực tiễn. Thúc đẩy, khuyến khích nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp sáng tạo trong sinh viên tại các cơ sở giáo dục và đào tạo trực thuộc Bộ.

7. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII

- Tiếp tục triển khai, tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII. Thực hiện nghiêm túc việc rà soát, tổ chức, sắp xếp lại hệ thống cơ sở giáo dục nghề nghiệp sau khi Đề án trình Thủ tướng Chính phủ được phê duyệt đảm bảo theo mục tiêu đề ra trong Nghị quyết của Trung ương và Chính phủ; nhanh chóng ổn định tổ chức, đa dạng hóa nguồn lực đầu tư, bảo đảm nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp sau khi được tổ chức, sắp xếp lại; thúc đẩy phát triển cơ sở giáo dục nghề nghiệp có năng lực tự chủ và hoạt động hiệu quả.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**Xem toàn văn tại ([www.moc.gov.vn](http://www.moc.gov.vn))**

## VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG

### **UBND tỉnh Bắc Ninh ban hành Khung giá bán, giá cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội do các hộ gia đình, cá nhân đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh**

Ngày 10 tháng 9 năm 2020, UBND tỉnh Bắc Ninh ban hành Quyết định số 15/2020/QĐ-UBND ban hành Khung giá bán, giá cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội do các hộ gia đình, cá nhân đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh.

**1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

a. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định khung giá bán, giá cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội do các hộ gia đình, cá nhân đầu tư xây dựng có nhu cầu ưu đãi, hỗ trợ theo quy định trên địa bàn tỉnh

Nhà ở xã hội do các hộ gia đình, cá nhân đầu tư xây dựng phải đáp ứng yêu cầu về chất



lượng công trình, diện tích sử dụng theo quy định pháp luật về nhà ở.

**b. Đối tượng áp dụng**

- Hộ gia đình, cá nhân đầu tư xây dựng nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua cho các đối tượng theo quy định của Luật Nhà ở năm 2014.

- Cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác phát triển và quản lý nhà ở xã hội.

**2. Khung giá bán, giá cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội do các hộ gia đình, cá nhân đầu tư xây dựng**

**- Khung giá bán nhà ở xã hội**

TT	Nhà có số tầng	Giá tối đa	Đơn vị tính
1	Số tầng <=5	9.860.000	Đồng/m <sup>2</sup>
2	5<số tầng<=7	12.112.000	Đồng/m <sup>2</sup>
3	7<số tầng<=10	12.713.000	Đồng/m <sup>2</sup>

**- Khung giá cho thuê nhà ở xã hội**

TT	Nhà có số tầng	Giá tối đa	Đơn vị tính
1	Số tầng <=5	57.000	Đồng/m <sup>2</sup>
2	5<số tầng<=7	70.000	Đồng/m <sup>2</sup>
3	7<số tầng<=10	74.000	Đồng/m <sup>2</sup>

**- Khung giá cho thuê mua nhà ở xã hội**

TT	Nhà có số tầng	Giá tối đa	Đơn vị tính
I	Thời gian cho thuê mua 05 năm:		
1	Số tầng <=5	156.000	Đồng/m <sup>2</sup>
2	5<số tầng<=7	193.000	Đồng/m <sup>2</sup>
3	7<số tầng<=10	202.000	Đồng/m <sup>2</sup>
II	Thời gian cho thuê mua 10 năm		
1	Số tầng <=5	87.000	Đồng/m <sup>2</sup>
2	5<số tầng<=7	106.000	Đồng/m <sup>2</sup>
3	7<số tầng <=10	111.000	Đồng/m <sup>2</sup>
III	Thời gian cho thuê mua 15 năm		
1	Số tầng <=5	63.000	Đồng/m <sup>2</sup>
2	5<số tầng<=7	78.000	Đồng/m <sup>2</sup>
3	7<số tầng <=10	82.000	Đồng/m <sup>2</sup>

**3 Nguyên tắc áp dụng**

- Nguyên tắc và cơ sở xác định giá bán, giá cho thuê, giá cho thuê mua theo quy định Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ, Thông tư số 20/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng và các quy định pháp luật khác có liên quan

- Với nhà cho thuê mua phải thanh toán trước 20% giá trị nhà, số tiền thuê mua còn lại trả trong thời gian 5 năm, 10 năm hoặc 15 năm, tùy theo cam kết trong hợp đồng ký kết giữa các chủ thể.

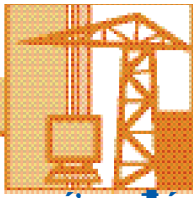
- Giá bán, giá cho thuê, giá cho thuê mua chưa có tiền sử dụng đất, tiền đền bù giải phóng

mặt bằng, chi phí quản lý vận hành nhà chung cư, đã bao gồm chi phí bảo trì công trình 2% và thuế VAT 5%; được xác định trên cơ sở chi phí đầu tư xây dựng tại mặt bằng quý II năm 2020.

- Hộ gia đình, cá nhân đầu tư xây dựng nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua tự xác định giá nhưng không được cao hơn giá quy định ở trên; trước khi ký hợp đồng bán, cho thuê, cho thuê mua với khách hàng, phải gửi bảng giá đến Sở Xây dựng để theo dõi, kiểm tra.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 9 năm 2020.

**Xem toàn văn tại ([www.bacninh.gov.vn](http://www.bacninh.gov.vn))**



## **Nghiên cứu, đánh giá nguyên nhân hư hỏng của các cột điện bê tông ly tâm do gió bão và đề xuất giải pháp khắc phục**

Ngày 14/9/2020, Hội đồng tư vấn của Bộ Xây dựng đã họp nghiệm thu kết quả thực hiện Đề tài “Nghiên cứu, đánh giá nguyên nhân hư hỏng của các cột điện bê tông ly tâm do gió bão và đề xuất giải pháp khắc phục” - mã số: RD 30-18, do Cục Giám định Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng thực hiện. Chủ tịch Hội đồng, Phó Vụ trưởng Vụ KHCN và môi trường (Bộ Xây dựng), TS. Lê Minh Long chủ trì buổi họp.

Theo chủ nhiệm đề tài, PGS.TS. Phạm Minh Hà, Việt Nam nằm trong khu vực chịu ảnh hưởng đáng kể của gió bão từ Biển Đông với số lượng và cường độ ngày càng tăng do biến đổi khí hậu, là một trong những nguyên nhân gây hư hỏng các cột điện bê tông cốt thép ly tâm, làm thiệt hại đáng kể cho ngành điện nói riêng và nền kinh tế nói chung. Mặc dù chủ thể của hệ thống truyền tải điện thuộc Bộ Công thương quản lý, tuy nhiên, đây cũng là một trong những vấn đề cần được cơ quan quản lý chuyên ngành xây dựng quan tâm nghiên cứu.

Nhóm thực hiện đề tài đã tiến hành khảo sát, điều tra nguyên nhân xảy ra các sự cố hư hỏng của cột điện bê tông cốt thép ly tâm (BTCTLT) do gió bão thuộc lưới điện trung và hạ áp ở nhiều địa phương trên toàn quốc; khảo sát công tác thiết kế, chế tạo, bảo quản cột điện BTCTLT trong nhà máy cũng như khảo sát công tác đầu tư, xây dựng, vận hành, quản lý và bảo trì sửa chữa tại các địa phương. Bằng phương pháp thực nghiệm, nhóm nghiên cứu đã xác định mô men uốn nứt và mô men uốn gãy (hệ số tải trọng k) của cột điện BTCTLT thương phẩm và cột điện BTCTLT theo thiết kế điển hình. Nội dung đề tài tập trung nghiên cứu về phần an toàn kết cấu xây dựng của lưới điện trung và hạ áp nông thôn trên toàn quốc, BTCTLT có và không có dự ứng lực, nhóm I (cột trong đường



*Toàn cảnh họp Hội đồng nghiệm thu*

dây truyền dẫn, phân phối điện), chiều dài 6,0m đến 22m.

Kết quả nổi bật của đề tài là đã đề xuất được các giải pháp khắc phục sự cố và các giải pháp phục vụ cho Đề án quy hoạch và phát triển điện lực quốc gia, Hợp phần 2, giai đoạn 2016 - 2025, có xét đến 2035, được an toàn và hiệu quả hơn.

Nhận xét về kết quả thực hiện đề tài, hai ủy viên phản biện là PGS. TS. Nguyễn Trường Thắng (Đại học Xây dựng Hà Nội) và TS. Vũ Thành Trung (Viện KHCN xây dựng) cùng các chuyên gia thống nhất đánh giá đề tài đạt kết quả tốt, đáp ứng được mục tiêu đề ra. Bên cạnh đó, Hội đồng cũng trao đổi với nhóm tác giả một số nội dung: Cần có thêm kết quả khảo sát về các sự cố gãy đổ ở các địa phương khác (khu vực ít chịu ảnh hưởng của bão, khu vực chịu nhiều ảnh hưởng của bão, khu vực đô thị...), để từ đó có sự so sánh về mức độ thiệt hại do bão gây ra đối với cột điện; Nên khảo sát chi tiết hơn, có thống kê cụ thể về số lượng từng loại cột bị gãy đổ trong các sự cố, để có những nhận xét về sự phù hợp so với kết quả thử nghiệm ở chương 4 trong phần nội dung về thử nghiệm khả năng chịu lực của 12 cột điện BTLT..., từ

đó, đưa ra được nguyên nhân chính xác của các sự cố và đề xuất giải pháp khắc phục một cách thuyết phục hơn; phần giải pháp cần tách biệt với phần đề xuất, kiến nghị...

Kết luận cuộc họp, PGS. TS. Vũ Ngọc Anh - Vụ trưởng Vụ KHCN và môi trường và Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu Lê Minh Long đánh giá cao kết quả nghiên cứu khoa học của nhóm đề tài với việc thực hiện khối lượng công việc tương

đối lớn, thu thập nhiều thông tin, số liệu một cách công phu, phương pháp thực hiện tường minh, khoa học.

Đề tài “Nghiên cứu, đánh giá nguyên nhân hư hỏng của các cột điện bê tông ly tâm do gió bão và đề xuất giải pháp khắc phục” đã được Hội đồng nghiệm thu, với kết quả đạt điểm Xuất sắc.

**Ninh Hoàng Hạnh**

## **Nghiên cứu đổi mới phương pháp xác định chi phí đầu tư xây dựng, dịch vụ đô thị**

Ngày 16/9/2020 tại Hà Nội, Hội đồng Tư vấn Bộ Xây dựng tổ chức cuộc họp đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện Đề tài “Nghiên cứu đổi mới phương pháp xác định chi phí đầu tư xây dựng, dịch vụ đô thị, phương pháp xây dựng hệ thống công cụ quản lý chi phí phù hợp với cơ chế thị trường của Việt Nam và thông lệ quốc tế”. Chủ tịch Hội đồng, Thứ trưởng Lê Quang Hùng chủ trì cuộc họp.

Chủ nhiệm đề tài, TS. Phạm Văn Khánh - nguyên Cục trưởng Cục Kinh tế xây dựng (Bộ Xây dựng) cho biết, mục tiêu của đề tài nhằm đánh giá tổng thể cơ chế chính sách, các quy định pháp luật và thực tiễn triển khai công tác quản lý chi phí đầu tư xây dựng, dịch vụ đô thị sử dụng nguồn vốn nhà nước tại Việt Nam trong những năm gần đây; đánh giá hiện trạng, những tồn tại, bất cập và nguyên nhân của các phương pháp xác định chi phí đầu tư xây dựng, dịch vụ đô thị, phương pháp xây dựng hệ thống công cụ quản lý chi phí hiện nay.

Bên cạnh đó, đề tài còn nghiên cứu các tiêu chuẩn, thông lệ và kinh nghiệm của các quốc gia phát triển về xây dựng phương pháp xác định chi phí đầu tư xây dựng, dịch vụ đô thị, các hệ thống công cụ quản lý chi phí...; đề xuất mục tiêu, quan điểm, định hướng và giải pháp hoàn thiện các phương pháp xác định chi phí đầu tư xây dựng, dịch vụ đô thị, xác định hệ



*Thứ trưởng Lê Quang Hùng - Chủ tịch Hội đồng chủ trì cuộc họp*

thống công cụ quản lý chi phí đối với các dự án sử dụng vốn nhà nước, đảm bảo tính đúng, tính đủ, phù hợp với cơ chế thị trường của Việt Nam và thông lệ quốc tế.

Theo TS. Phạm Văn Khánh, nhóm nghiên cứu đã áp dụng nhiều phương pháp khác nhau, bao gồm: Phương pháp nghiên cứu tổng hợp, kế thừa các quy định pháp luật về lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng để nhận định thực trạng lập, quản lý chi phí đầu tư xây dựng tại Việt Nam và tìm hiểu lý luận, thực tiễn, kinh nghiệm của các quốc gia trên thế giới; sử dụng phương pháp điều tra, khảo sát, đánh giá tình hình triển khai và thực trạng hoạt động tại một số Bộ, ban ngành Trung ương, các Sở, Ban quản lý dự án, chủ đầu tư, nhà thầu, công ty tư vấn, chuyên gia và các bên liên quan đến xây

dựng và quản lý chi phí đầu tư xây dựng để kiểm chứng lại các nhận định đã được rút ra từ bước tổng hợp, phân tích văn bản pháp luật, khảo sát thực tế tại các quốc gia phát triển làm căn cứ đánh giá đúng thực trạng và đề xuất giải pháp phù hợp.

Qua khảo sát thực tế tại Singapore, Trung Quốc, Hàn Quốc, Anh và Hoa Kỳ, nhóm nghiên cứu nhận thấy, các quốc gia nói trên đều quản lý vô cùng chặt chẽ các dự án đầu tư công, dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước. Việc lập tổng mức đầu tư, dự toán xây dựng công trình được thực hiện bởi công chức, cán bộ quản lý nhà nước chuyên trách nhằm cắt giảm công tác thẩm tra, thẩm định, rút ngắn thời gian thực hiện dự án, qua đó nâng cao hiệu quả đầu tư dự án.

Trong lĩnh vực quản lý chi phí, việc xây dựng các công cụ quản lý chi phí tiếp cận với thị trường là vấn đề quan trọng. Điều này vừa nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư, vừa giúp phát triển, áp dụng các công nghệ mới hiệu quả hơn; Chi phí dự án tính trên vòng đời, quản lý dự án theo chi phí mục tiêu, kế hoạch và phương thức thực hiện dự án sẽ góp phần hạn chế số lượng dự án vượt tổng mức đầu tư; Chú trọng và khuyến khích các chủ đầu tư, các nhà thầu xây dựng và nhà thầu thiết kế áp dụng KHCN, tiến bộ công nghệ trong các hoạt động của mình nhằm minh bạch hóa, đảm bảo tối ưu hiệu quả cho các bên; Kỹ sư định giá là người giúp chủ đầu tư xác định sơ bộ tổng mức đầu tư ban đầu, cùng đơn vị thiết kế và nhà thầu kiểm soát chi phí toàn bộ dự án đến khi xây dựng hoàn thành; Cơ chế quản lý và phương pháp xác định các chỉ tiêu chi phí và hệ thống công cụ xác định chi phí đầu tư xây dựng và dịch vụ đô thị để phục vụ mục tiêu quản lý nhà nước đối với các dự án công là vô cùng quan trọng, đây là công cụ nền tảng để nhà nước nắm bắt, kiểm soát, điều tiết thị trường xây dựng, quản lý chi phí dự án theo mục tiêu, không vượt tổng mức đầu tư, đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án và nâng cao năng suất xây dựng, góp phần tạo thị trường

xây dựng minh bạch, cạnh tranh.

Trên cơ sở tổng hợp kinh nghiệm quốc tế và tiến hành điều tra, phân tích những tồn tại, bất cập của các phương pháp xác định chi phí đầu tư xây dựng, dịch vụ đô thị, xây dựng hệ thống công cụ quản lý chi phí trong hệ thống văn bản pháp quy hiện hành, đề tài đã đưa ra nhiều đề xuất đổi mới quan trọng, bao gồm:

- Về nguyên tắc quản lý chi phí đầu tư xây dựng: Ngoài các nguyên tắc xác định chi phí đầu tư xây dựng theo pháp luật hiện hành, đề tài đã bổ sung thêm các căn cứ làm nguyên tắc xác định chi phí để đảm bảo nguyên tắc tính đúng tính đủ, phản ánh tính cá biệt của sản phẩm xây dựng và đặc điểm, tính chất của công trình xây dựng: kế hoạch thực hiện của từng dự án; quy trình công nghệ, biện pháp thi công xây dựng dự kiến được sử dụng, yêu cầu kỹ thuật cụ thể của từng công trình; điều kiện xây dựng, độ dài thời gian xây dựng, mặt bằng giá thị trường tại khu vực xây dựng.

Về công tác quản lý chi phí gắn với phương thức thực hiện dự án - phương thức truyền thống (thiết kế - đấu thầu - thi công), hoặc các dự án Turnkey, EPC, EC, EP..., đề tài đưa ra đề xuất: Đối với dự án thực hiện theo phương thức truyền thống (thiết kế- đấu thầu-thi công): Việc lập và quản lý các chỉ tiêu chi phí đầu tư xây dựng theo quá trình chính xác dần, từ sơ bộ tổng mức đầu tư - tổng mức đầu tư - dự toán xây dựng - giá gói thầu xây dựng - đấu thầu - hợp đồng - thanh quyết toán. Đối với các dự án Turnkey, EPC, EC, EP... việc lựa chọn nhà thầu ở giai đoạn Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc khả thi. Do đó, đề tài đề xuất nguyên tắc lựa chọn phương pháp để xác định các chỉ tiêu chi phí đầu tư xây dựng ở các giai đoạn này phải đảm bảo mức độ chính xác cần thiết nhằm xác định giá gói thầu sát và đúng với nhu cầu chi phí thực tiễn thực hiện dự án.

- Về phương pháp xác định sơ bộ tổng mức đầu tư, tổng mức đầu tư và dự toán xây dựng: Để giải quyết những khoảng trống pháp luật và

quy định bất cập trong thực tiễn quản lý các dự án đầu tư xây dựng theo hình thức đối tác công tư (PPP), Turnkey, EPC, EC, EP, đề tài đề xuất: Bổ sung quy định phương pháp lập, thẩm định chi phí đầu tư xây dựng cho các dự án khi áp dụng thiết kế FEED (Front-End Engineering and Design); Quy định lựa chọn phương pháp khối lượng - đơn giá là chủ yếu để xác định sơ bộ tổng mức đầu tư, tổng mức đầu tư đối với các dự án này nhằm đảm bảo tính đúng, tính đủ làm cơ sở để xác định giá gói thầu với mức độ chính xác cần thiết.

Để khắc phục thực trạng dự toán được lập dựa trên mô hình chuẩn, đề tài đề xuất quy định phương pháp lập dự toán phải gắn với kế hoạch thực hiện của dự án, điều kiện thực hiện dự án, đặc điểm dự án. Cụ thể: Đối với các dự án khi đã có quyết định phê duyệt kế hoạch phân chia các gói thầu thì chi phí đầu tư xây dựng được xác định theo phạm vi công việc thuộc các gói thầu (điển hình là các dự án trong ngành giao thông) sẽ bảo đảm dự toán xây dựng sát với điều kiện thực hiện gói thầu; Đối với các dự án còn lại thì chi phí đầu tư xây dựng được xác định theo đối tượng loại, cấp công trình.

Nhằm khắc phục thực trạng thừa, thiếu chi phí và sự bất hợp lý của các thành phần chi phí trong các khoản mục chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, đề tài đề xuất: Điều chỉnh các chi phí trong khoản mục "chi phí xây dựng" bao gồm: chi phí trực tiếp, chi phí gián tiếp, chi phí chung, thu nhập chịu thuế tính trước, thuế giá trị gia tăng. Theo đó, chi phí "hạng mục chung" ở khoản mục "chi phí khác" trong đầu tư xây dựng chuyển sang khoản mục "chi phí xây dựng" và đổi tên thành "chi phí gián tiếp" cho phù hợp với bản chất của các chi phí này và xác định các chi phí này trên cơ sở chi phí trực tiếp (vật liệu, nhân công, máy và thiết bị thi công). Trong "chi phí chung" thuộc khoản mục "chi phí xây dựng", tách chi phí "quản lý doanh nghiệp tại trụ sở" ra khỏi "Chi phí chung"; Bổ sung các chi phí thiết bị còn thiếu gồm quản lý mua sắm thiết bị của

nhà thầu, mua bản quyền công nghệ, chạy thử thiết bị theo yêu cầu kỹ thuật.

Quy định hiện hành yêu cầu phải lập dự toán gói thầu sau khi đã phê duyệt chi phí đầu tư xây dựng làm gia tăng thủ tục hành chính không cần thiết, đề tài đề xuất giải pháp xác định dự toán gói thầu xây dựng trên dự toán xây dựng được thẩm định và phê duyệt nhằm cắt giảm thủ tục hành chính, đồng thời tránh việc Chủ đầu tư lạm quyền, xác định lại dự toán gói thầu làm thay đổi nội dung, tỷ trọng chi phí so với dự toán xây dựng đã phê duyệt, tận dụng hết nguồn dự phòng, dễ gây lãng phí, thất thoát nguồn vốn trong xây dựng.

Đối với dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo hình thức hợp tác công tư (PPP), Turnkey, EPC, EC, EP... đã lựa chọn nhà thầu ở giai đoạn sơ bộ tổng mức đầu tư, tổng mức đầu tư, đã ký hợp đồng thì không thẩm định chi phí đầu tư xây dựng.

Về phương pháp xác định và quản lý định mức xây dựng, nhằm khắc phục lợi dụng việc vận dụng định mức để xác định giá bằng các định mức có công nghệ cũ nhưng lại áp dụng giá cao máy mới, làm tăng chi phí vô lý cho dự án, đề tài đề xuất nhà nước ban hành định mức để áp dụng cho các dự án đầu tư công. Quy định này cũng phù hợp với ứng xử của các cơ quan thanh tra, kiểm toán trong thực tiễn và minh bạch hóa việc áp dụng định mức xây dựng, như quy định rõ tiêu chí để áp dụng định mức xây dựng, đảm bảo việc áp dụng định mức đúng thành phần, tính chất công tác, công nghệ, thiết bị thi công; quy định các trường hợp áp dụng định mức có điều chỉnh trị số mức và cách thức điều chỉnh; quy định rõ các trường hợp được xây dựng định mức mới.

Về phương pháp xác định chi phí quản lý dự án và chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, đề tài đề xuất bổ sung phương pháp xác định chi phí theo định mức khối lượng. Bên cạnh đó, đối với chi phí nhân công tư vấn xây dựng nước ngoài bổ sung tiêu chí xác định theo trình độ, khu vực

phù hợp với thông lệ quốc tế; bổ sung nội dung, phương pháp xác định và quản lý đơn giá nhân công tư vấn xây dựng theo 4 nhóm (kỹ sư cao cấp, chủ nhiệm dự án; kỹ sư chính, chủ nhiệm bộ môn; kỹ sư; nhân công tư vấn xây dựng khác) để phục vụ cho việc xác định chi phí tư vấn xây dựng theo phương pháp lập dự toán.

Theo nhận xét của Hội đồng, nhóm nghiên cứu Cục Kinh tế xây dựng đã dành nhiều thời gian, công sức thực hiện đề tài. Đây là đề tài có phạm vi nghiên cứu rộng, nhiều nội dung đòi hỏi sự tổng hợp, phân tích chuyên sâu. Trong giai đoạn hiện nay, kết quả nghiên cứu của đề tài sẽ góp phần từng bước hoàn thiện cơ chế quản lý nhà nước về quản lý chi phí đầu tư xây dựng. Tuy nhiên, nhóm nghiên cứu cần xem xét, bổ sung những thông tin, số liệu khảo sát thực tế trong phần đánh giá thực trạng, đồng thời rà soát, biên tập một số bảng biểu, danh sách tài liệu tham khảo, lỗi trình bày, tránh sự trùng lặp ở một số đoạn.

Kết luận cuộc họp, Thứ trưởng Lê Quang Hùng - Chủ tịch Hội đồng đánh giá, nhóm nghiên cứu Cục Kinh tế xây dựng đã nỗ lực triển

khai thực hiện, hoàn thành đầy đủ các sản phẩm đề tài theo hợp đồng và đảm bảo chất lượng. Đề tài đã hệ thống hóa đầy đủ các quy định của pháp luật liên quan đến công tác lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng theo các giai đoạn phát triển của công tác quản lý xây dựng ở Việt Nam và đề xuất được nhiều nội dung quan trọng liên quan đến công tác lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng giúp cơ quan quản lý nhà nước xây dựng hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật một cách hợp lý, hiệu quả.

Thứ trưởng Lê Quang Hùng đề nghị nhóm nghiên cứu xem xét, tiếp thu đầy đủ ý kiến góp ý của các chuyên gia phản biện và thành viên Hội đồng, chú ý bổ sung, cập nhật những thông tin, số liệu cần thiết, rà soát, biên tập một số lỗi trong chế bản, đánh máy, sớm hoàn thiện Báo cáo tổng kết và các sản phẩm đề tài, trình lãnh đạo Bộ Xây dựng xem xét, quyết định.

Hội đồng Tư vấn Bộ Xây dựng nhất trí bỏ phiếu nghiệm thu Đề tài với kết quả đạt loại Khá.

**Trần Đình Hà**

## **Nghiệm thu 02 Dự thảo TCVN do Viện IBST thực hiện**

Ngày 16/9/2020, Hội đồng KHCN chuyên ngành Bộ Xây dựng đã tổ chức họp nghiệm thu 02 dự thảo tiêu chuẩn do Viện KHCN xây dựng (IBST) chủ trì thực hiện, bao gồm: Dự thảo tiêu chuẩn “Cọc – Phương pháp thí nghiệm tại hiện trường bằng tải trọng tĩnh đẩy ngang”, mã số TC 118-17; Dự thảo tiêu chuẩn “Móng cần trực tháp - Thiết kế, thi công và nghiệm thu”, mã số TC 120-17. Phó Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu, Phó Vụ trưởng Vụ KHCN và môi trường, TS. Lê Minh Long chủ trì cuộc họp.

Báo cáo về dự thảo tiêu chuẩn “Cọc - Phương pháp thí nghiệm tại hiện trường bằng tải trọng tĩnh đẩy ngang”, KS. Phạm Hồng Dương - chủ trì nhóm biên soạn cho biết, trong thực tế xây dựng hiện nay, bên cạnh các thí nghiệm

hiện trường để đánh giá khả năng làm việc của cọc như thí nghiệm nén tĩnh, siêu âm, PIT, PDA... thì thí nghiệm xác định khả năng chịu tải trọng tĩnh nằm ngang của cọc cũng được yêu cầu thực hiện ở rất nhiều công trình tại Việt Nam. Việc thực hiện thí nghiệm này cho đến nay vẫn đang vận dụng các tiêu chuẩn của nước ngoài, điển hình là ASTM D3966-07 của Mỹ. Việc xác định sức chịu tải ngang của cọc là cần thiết đối với thiết kế móng (cọc) các công trình chịu tải trọng ngang lớn, công trình trụ cầu, cầu cảng, kè... Mặc dù các tiêu chuẩn nước ngoài đã được áp dụng khi thiết lập yêu cầu, để cương thí nghiệm cọc chịu tải trọng đẩy ngang, nhưng việc chuẩn hóa thí nghiệm này bằng một tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN) chính thức sẽ giúp

cho việc vận dụng các nội dung thí nghiệm được thuận lợi hơn, và phù hợp hơn với những điều kiện xây dựng và thí nghiệm trong nước.

Tiêu chuẩn “Cọc - Phương pháp thí nghiệm hiện trường bằng tải trọng tĩnh nằm ngang” được nhóm tác giả biên soạn dựa trên cơ sở tiêu chuẩn thực hành của Mỹ “ASTM D3966-07 - Standard test method for deep foundation under lateral load”. Tiêu chuẩn gốc là một tài liệu kỹ thuật có những chỉ dẫn rất chi tiết và rõ ràng về công tác thí nghiệm xác định sức chịu tải ngang của cọc với nhiều phương án thí nghiệm tương thích với các dạng tải trọng ngang thực tế tác dụng lên công trình. Các phương pháp gia tải cũng như phương pháp đo chuyển vị của cọc trong quá trình thí nghiệm cũng được chỉ dẫn. Trong quá trình biên soạn, nhóm tác giả lược bỏ những nội dung không cần thiết hoặc không phù hợp với quy trình quản lý chất lượng xây dựng của Việt Nam, đồng thời làm rõ và chi tiết hơn những nội dung giữ lại của tiêu chuẩn gốc.

Tiêu chuẩn có nội dung bao gồm đầy đủ các thông tin, yêu cầu kỹ thuật, quy định về kiểm soát chất lượng và kiểm soát quy trình thí nghiệm cọc tại hiện trường bằng tải trọng ngang với 12 mục và 8 phụ lục.

Theo đánh giá của các thành viên Hội đồng, dự thảo tiêu chuẩn “Cọc - Phương pháp thí nghiệm hiện trường bằng tải trọng tĩnh nằm ngang” được biên soạn tương đối rõ ràng, dễ hiểu và sát nghĩa với bản gốc tiếng Anh. Tuy nhiên vẫn có một số nội dung cần làm rõ hơn và cần chỉnh sửa trong dự thảo.

Đối với Dự thảo TCVN “Móng cần trục tháp - Thiết kế, thi công và nghiệm thu”, TS. Trần Toàn Thắng, chủ trì nhóm biên soạn cho biết, cần trục tháp (cẩu tháp) là loại thiết bị không thể thiếu trong thi công các công trình có độ cao lớn, là thiết bị hỗ trợ xây dựng, giúp vận chuyển vật liệu với khối lượng lớn lên cao một cách nhanh chóng và tiết kiệm thời gian. Hiện nay, các tài liệu trong nước về thiết kế chế tạo



Toàn cảnh 2 cuộc họp HĐNT

và vận hành an toàn cần trục tháp khá đầy đủ, tuy nhiên chưa có tài liệu hướng dẫn/tiêu chuẩn về thiết kế xây dựng chuyên biệt móng cần trục tháp, gây nên những khó khăn trong công tác thiết kế và chi phí cao. Vì vậy, tiêu chuẩn “Móng cần trục tháp – Thiết kế, thi công và nghiệm thu” ra đời sẽ là một tài liệu quan trọng giúp các kỹ sư thiết kế rà soát đầy đủ các bước thiết kế nhằm đảm bảo an toàn cho việc vận hành thiết bị này.

Dự thảo Tiêu chuẩn “Móng cần trục tháp - Thiết kế, thi công và nghiệm thu” được biên soạn dựa trên các tiêu chuẩn của Trung Quốc “JGJ/T 187-2009 Technical specification for concrete foundation engineering of tower cranes” và “JGJ/T 301-2013 Technical specification for concrete foundation engineering of large tower cranes”.

Dự thảo tiêu chuẩn “Móng cần trục tháp - Thiết kế, thi công và nghiệm thu” được áp dụng để thiết kế, thi công và nghiệm thu móng bê tông cốt thép của cần trục tháp (TCVN 8242-3: 2009) có thân tháp quay hoặc không quay, có cần nâng hạ hoặc nằm ngang, đặt cố định phục vụ quá trình thi công xây dựng công trình. Khi thiết kế, thi công và nghiệm thu móng cần trục tháp, ngoài việc tuân thủ tiêu chuẩn này, cần tuân thủ các quy định của tiêu chuẩn khác có liên quan.

Dự thảo tiêu chuẩn “Móng cần trục tháp - Thiết kế, thi công và nghiệm thu” được Hội



đồng đánh giá biên soạn chi tiết, bao gồm trình tự thiết kế cũng các chỉ dẫn cần thiết cho việc thiết kế móng cho cầu tháp. Về nội dung của dự thảo này, sau khi thảo luận, Hội đồng nghiệm thu thống nhất với nhóm tác giả không đưa vào dự thảo phần móng lắp ghép và phần thi công, nghiệm thu của móng cần trực tháp, xem xét lại

phần tải trọng gió. Hội đồng cũng thống nhất sửa tên của dự thảo thành “Thiết kế móng cần trực tháp”.

Cả 2 dự thảo tiêu chuẩn TCVN đã được Hội đồng nghiệm thu thông qua, đạt loại Khá.

Ninh Hoàng Hạnh

## Nghiệm thu Dự thảo TCVN “Vách ngăn trong xây dựng - Phương pháp thử”

Ngày 17/9/2020, tại Hà Nội, Hội đồng KHCN Bộ Xây dựng tổ chức cuộc họp nghiệm thu Dự thảo TCVN “Vách ngăn trong xây dựng - Phương pháp thử”. Phó Vụ trưởng Vụ KHCN và môi trường Lê Minh Long chủ trì cuộc họp.

Bảo vệ đề tài trước Hội đồng, ThS. Ngô Mạnh Toàn - Viện Khoa học công nghệ xây dựng, Chủ nhiệm đề tài cho biết, hiện nay có rất nhiều loại tấm tường đúc sẵn sử dụng trong các công trình xây dựng ở Việt Nam, như: Tấm tường 3D, tấm tường rỗng công nghệ đùn ép, vách ngăn xương thép ống ốp tấm thạch cao... Tuy nhiên, Việt Nam chưa có tiêu chuẩn về loại tấm tường này. Do đó, việc xây dựng TCVN “Vách ngăn trong xây dựng - Phương pháp thử” là rất cần thiết, vừa nhằm đáp ứng yêu cầu trong nước vừa góp phần hội nhập quốc tế.

Nội dung dự thảo tiêu chuẩn gồm các phần: Phạm vi áp dụng; tài liệu viện dẫn; thuật ngữ định nghĩa; các cấp độ; yêu cầu kỹ thuật; tiêu chí chấp thuận; thử nghiệm; các phụ lục A, B, C, D.

ThS. Ngô Mạnh Toàn cho biết, tiêu chuẩn này được xây dựng trên cơ sở biên dịch nội dung của tiêu chuẩn BS 5234-2:1992 của Anh; quy định yêu cầu kỹ thuật về độ bền, vững chắc của một mẫu vách ngăn khi được thử nghiệm bằng các phương pháp nêu trong các phụ lục (A, B, C, D). Mẫu thử vách ngăn được thử nghiệm bao gồm một bộ cửa và lớp hoàn thiện bề mặt. Cấp độ đạt được đối với mỗi phép thử



Toàn cảnh cuộc họp

yêu cầu dựa trên tần suất và cường độ của tải trọng tác động lên vách ngăn. Các yêu cầu của thử nghiệm có thể được áp dụng đối với vách ngăn sử dụng bất kỳ loại vật liệu nào.

Thực hiện đề tài, nhóm nghiên cứu đã tiến hành nhiều thí nghiệm, phương pháp thử nhằm xác định chính xác khả năng chịu tải của vách ngăn trước các tác động khác nhau cả về phương hướng và cường độ lực tác động. Từ đó, ghi chép và phân tích các kết quả thu được, làm cơ sở xây dựng, bổ sung và hoàn thiện Dự thảo tiêu chuẩn.

Tại cuộc họp, Hội đồng KHCN Bộ Xây dựng đánh giá cao sự cần thiết phải xây dựng TCVN “Vách ngăn trong xây dựng - Phương pháp thử”, đồng thời cho biết, nhóm nghiên cứu Viện Khoa học công nghệ xây dựng đã bám sát bản gốc tiêu chuẩn của Anh trong quá trình xây dựng dự thảo tiêu chuẩn, một số đoạn có sự Việt hóa đảm bảo người sử dụng dễ hiểu và áp dụng và

soát. Bên cạnh đó, nhóm nghiên cứu cũng tiến hành nhiều thí nghiệm phù hợp, để có cơ sở đánh giá khả năng chịu lực của vách ngăn trong xây dựng. Tuy nhiên, để nâng cao chất lượng dự thảo tiêu chuẩn, nhóm nghiên cứu cần biên tập một số bảng biểu, xem lại một số chú thích bảng, hình vẽ, chỉnh sửa lỗi trình bày, lỗi đánh máy.

Kết luận cuộc họp, Phó Vụ trưởng Lê Minh Long đánh giá, nhóm nghiên cứu Viện Khoa học công nghệ xây dựng đã hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ theo hợp đồng được giao. Dự thảo tiêu chuẩn đảm bảo chất lượng, tuy nhiên vẫn còn một số lỗi liên quan đến dịch thuật, sử dụng

thuật ngữ, lỗi trình bày cần được chỉnh sửa, khắc phục.

Phó Vụ trưởng Lê Minh Long đề nghị nhóm nghiên cứu xem xét, tiếp thu đầy đủ ý kiến góp ý của các chuyên gia phản biện và thành viên Hội đồng, sớm hoàn thiện Báo cáo thuyết minh và dự thảo tiêu chuẩn, trình lãnh đạo Bộ Xây dựng xem xét, quyết định.

Hội đồng KHCN Bộ Xây dựng nhất trí bỏ phiếu nghiệm thu Dự thảo TCVN “Vách ngăn trong xây dựng - Phương pháp thử”, với kết quả đạt loại Khá.

Trần Đình Hà

## Hiệu quả cách chấn và đề xuất giải pháp ứng dụng gổ cách chấn đàn hồi cốt sợi Frei cho công trình dân dụng thấp tầng chịu tải trọng động đất ở Việt Nam

Ngày 23/9/2020, tại Bộ Xây dựng, Hội đồng tư vấn đánh giá đã họp nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ “Nghiên cứu hiệu quả cách chấn và đề xuất giải pháp ứng dụng gổ cách chấn đàn hồi cốt sợi Frei cho công trình dân dụng thấp tầng chịu tải trọng động đất ở Việt Nam” - mã số: RD 35-18, do Trường Đại học Thủy lợi thực hiện. Chủ tịch Hội đồng - Phó Vụ trưởng Vụ KHCN và môi trường (Bộ Xây dựng), TS. Lê Minh Long chủ trì cuộc họp.

Báo cáo Hội đồng, TS. Ngô Văn Thuyết, chủ nhiệm đề tài cho biết, trong kỹ thuật giảm hư hỏng cho công trình chịu động đất, có nhiều phương pháp giảm chấn đã và đang được nghiên cứu, áp dụng trong đó có phương pháp giảm chấn thụ động. Đây là phương pháp giảm chấn mà nguồn năng lượng hoạt động của các thiết bị giảm chấn được lấy từ chính năng lượng dao động của bản thân công trình. Gổ cách chấn đây là một thiết bị phổ biến của phương



Toàn cảnh họp Hội đồng nghiệm thu

pháp này. Trong đó, gổ cách chấn đây loại Frei là một loại gổ cách chấn đa lớp mới, đang được nghiên cứu, phát triển trên thế giới trong gần hai chục năm qua.

Ở Việt Nam, các trận động đất với cường độ cấp V trở lên (theo thang MSK-64) thì thảm họa xảy ra ở các khu vực Bắc Bộ như Điện Biên, Lai Châu, Sơn La; khu vực Trung Bộ như Nghệ An, Quảng Nam, Thừa Thiên-Huế,... Các khu vực này tập trung các công trình dân dụng thấp

tầng của các khu dân cư. Vì vậy việc thiết kế giảm hư hỏng cho công trình thấp tầng chịu động đất ở đây là cần thiết. Tiêu chuẩn thiết kế công trình chịu động đất TCVN 9386:2012 đã đề cập đến sử dụng gối cách chấn đáy để giảm hư hỏng cho công trình chịu động đất. Tuy nhiên, các nghiên cứu về gối cách chấn đáy ở Việt Nam chủ yếu về loại gối cách chấn đa lớp thông thường. Hiện nay trên thế giới gối cách chấn đàn hồi cốt sợi đang được phát triển và được kì vọng áp dụng cho công trình dân dụng thấp tầng với chi phí rẻ hơn các phương pháp khác. Từ đó có thể thấy, đề tài “Nghiên cứu hiệu quả cách chấn và đề xuất giải pháp ứng dụng gối cách chấn đàn hồi cốt sợi Frei áp dụng cho công trình dân dụng thấp tầng chịu tải trọng động đất ở Việt Nam” là một đề tài mới có ý nghĩa khoa học và thực tiễn, cần thiết được nghiên cứu.

Tại Hội đồng, TS. Ngô Văn Thuyết cho biết, gối cách chấn đàn hồi cốt sợi Frei có cấu tạo tương tự như gối cách chấn đa lớp thông thường, nhưng các lá thép được thay thế bởi các lớp sợi. Ở đề tài này, nhóm nghiên cứu đã phân tích khả năng cách chấn về mặt kỹ thuật của gối cách chấn đàn hồi cốt sợi Frei áp dụng cho công trình dân dụng thấp tầng chịu động đất ở Việt Nam bằng mô hình số. Theo đó, đề tài đã nghiên cứu tổng quan về phương pháp giảm chấn thụ động sử dụng thiết bị cách chấn đáy (gối cách chấn đáy) cho công trình thiết kế chịu động đất, các loại gối cách chấn đáy và tình hình sử dụng gối cách chấn đáy để giảm hư hỏng cho công trình dân dụng khi động đất xảy ra. Cùng với đó, đề tài cũng đã nghiên cứu về động đất, nguyên nhân và thiệt hại do động đất gây ra trên công trình dân dụng và các biện pháp kháng chấn cho công trình đang áp dụng

ở Việt Nam. Qua nghiên cứu, nhóm tác giả thực hiện đề tài đã biên soạn tài liệu hướng dẫn việc lựa chọn kích thước gối cách chấn đàn hồi cốt sợi Frei sử dụng cho công trình dân dụng thấp tầng chịu động đất ở Việt Nam theo tiêu chuẩn Hoa Kỳ ASCE 7-05.

Nhận xét về đề tài, hai ủy viên phản biện là PGS. TS Đinh Văn Thuật (Trường Đại học Xây dựng) và TS Đỗ Tiến Thịnh (Viện Khoa học công nghệ xây dựng - Bộ Xây dựng) cùng các thành viên Hội đồng đánh giá, đề tài đạt yêu cầu về chất lượng khoa học với sự nghiên cứu nghiêm túc của nhóm tác giả thực hiện, đảm bảo đủ số lượng và khối lượng các sản phẩm theo hợp đồng. Kết quả của đề tài bao gồm: Báo cáo tổng kết; biên soạn tài liệu hướng dẫn việc lựa chọn kích thước gối cách chấn đàn hồi cốt sợi Frei sử dụng cho công trình dân dụng thấp tầng chịu động đất ở Việt Nam theo tiêu chuẩn Hoa Kỳ ASCE 7-05; xuất bản 5 bài báo đăng trên tạp chí trong nước và 01 bài báo tiếng Anh đăng trên tuyển tập hội thảo trong nước. Bên cạnh đó, các chuyên gia cũng đưa ra một số ý kiến góp ý, thảo luận với chủ nhiệm đề tài nhằm hoàn thiện nhiệm vụ.

Kết luận cuộc họp, TS. Lê Minh Long – Phó Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ và môi trường đánh giá cao công sức của nhóm thực hiện và kết quả nghiên cứu khoa học của đề tài “Nghiên cứu hiệu quả cách chấn và đề xuất giải pháp ứng dụng gối cách chấn đàn hồi cốt sợi Frei áp dụng cho công trình dân dụng thấp tầng chịu tải trọng động đất ở Việt Nam”.

Đề tài đã được Hội đồng nghiệm thu, với kết quả xếp loại Khá.

**Ninh Hoàng Hạnh**

## Nghiệm thu Đề tài “Đổi mới phương pháp luận về quy hoạch và quản lý phát triển đô thị”

Ngày 23/9/2020, tại Hà Nội, Hội đồng Tư vấn Bộ Xây dựng tổ chức cuộc họp đánh giá nghiệm thu Đề tài Nghiên cứu khoa học trọng điểm cấp Bộ “Đổi mới phương pháp luận về quy hoạch và quản lý phát triển đô thị”. Đề tài do nhóm nghiên cứu Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia (VIUP) thực hiện. Thứ trưởng Nguyễn Tường Văn - Chủ tịch Hội đồng chủ trì cuộc họp.

Bảo vệ đề tài trước Hội đồng, thay mặt nhóm nghiên cứu, PGS.TS.KTS. Lưu Đức Cường - Viện trưởng VIUP, Chủ nhiệm đề tài nêu lên lý do, sự cần thiết phải đổi mới phương pháp luận về quy hoạch và quản lý phát triển đô thị, đồng thời cho biết, mục tiêu của đề tài nhằm xây dựng, phát triển hệ thống đô thị nhanh, bền vững, ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, theo quy hoạch và có kế hoạch, phù hợp xu thế hội nhập, toàn cầu hóa trong thời đại Cách mạng Công nghiệp 4.0, đồng thời góp phần đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế, bảo vệ tài nguyên, môi trường,

Theo PGS.TS.KTS. Lưu Đức Cường, để thực hiện đề tài, nhóm nghiên cứu đã áp dụng nhiều phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu khoa học khác nhau, đồng thời hệ thống hóa phương pháp lý luận và xu thế đổi mới phương pháp quy hoạch và quản lý phát triển đô thị của nhiều nước trên thế giới, trong đó có: Mỹ, Pháp, Nhật Bản, Úc, New Zealand, Singapore; tổng quan kinh nghiệm đổi mới phương pháp luận qua các giai đoạn quy hoạch và quản lý phát triển đô thị cũng như quá trình đổi mới thể chế tại Việt Nam. Từ đó nhận diện các vấn đề cần đổi mới phương pháp luận về quy hoạch và quản lý phát triển đô thị. Đề tài có



Thứ trưởng Nguyễn Tường Văn kết luận cuộc họp sự tham gia đóng góp về mặt kiến thức, chuyên môn của đội ngũ cán bộ, chuyên gia hàng đầu VIUP hiện nay và kế thừa một cách có chọn lọc những kết quả nghiên cứu trước đây của các thế hệ chuyên gia VIUP.

Kết thúc quá trình nghiên cứu, đề tài xác định 6 nhóm vấn đề chung về đổi mới phương pháp luận quy hoạch và quản lý phát triển đô thị, gồm: Mối quan hệ giữa quy hoạch đô thị và hệ thống quy hoạch quốc gia theo Luật Quy hoạch 2017; Phương pháp quy hoạch đô thị tích hợp; Đổi mới mô hình phát triển đô thị hướng tới tăng trưởng xanh, thông minh và thích ứng biến đổi khí hậu; Quản lý cơ sở dữ liệu số nâng cao hiệu quả và tính minh bạch của hệ thống quy hoạch và quản lý phát triển đô thị; Các bộ công cụ hỗ trợ quy hoạch và quản lý phát triển đô thị; Đổi mới thể chế trong quy hoạch và quản lý phát triển đô thị (lập và thực hiện quy hoạch).

Đồng thời, đề tài nhận diện 10 vấn đề trọng điểm cần ưu tiên xây dựng cơ sở lý luận cho đổi mới phương pháp luận về quy hoạch và quản lý phát triển đô thị trong thời gian tới, gồm: Quản lý cơ sở dữ liệu; Tính tích hợp trong quy hoạch đô thị; Phân vùng sử dụng đất; Hệ thống chỉ tiêu

quy hoạch; Quản lý không gian cao tầng; Điều chỉnh quy hoạch; Vùng ven đô và vùng nông thôn đô thị hóa cao; Bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu; Quy trình, nội dung, sản phẩm quy hoạch; Huy động nguồn lực tài chính.

Từ kết quả nghiên cứu, đề tài đề xuất những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện hệ thống văn bản pháp quy liên quan tới hệ thống quy hoạch, phương pháp quy hoạch đô thị tích hợp, chiến lược, phân vùng sử dụng, chỉ tiêu quy hoạch, kiểm soát không gian cao tầng, khai thác nguồn lực phát triển đô thị, kiểm soát quy trình thực hiện quy hoạch tới dự án đầu tư xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu số và áp dụng công nghệ GIS, quản lý phát triển ven đô và vùng nông thôn đô thị hóa cao; hỗ trợ nguồn lực cho các nghiên cứu liên quan tới xây dựng khung cơ sở dữ liệu, đổi mới hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật, thí điểm áp dụng các đề xuất tại một số địa phương phù hợp, các chương trình chuyển giao, đào tạo, tập huấn và tuyên truyền trên địa phương của các vùng trọng điểm đổi mới, các động lực phát triển quốc gia.

Về đổi mới công tác lập quy hoạch, đề tài đề xuất xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu đô thị và ứng dụng GIS trong quy hoạch và quản lý đô thị: Cơ sở dữ liệu là một trong những yếu tố quan trọng nhất để xây dựng một đồ án quy hoạch tốt. Ứng dụng GIS trong lập quy hoạch đô thị hỗ trợ lựa chọn giải pháp quy hoạch tối ưu, đảm bảo tính khả thi của đồ án quy hoạch. Việc lập quy hoạch theo quy trình tích hợp sẽ giúp nhận diện đầy đủ vấn đề và lợi thế của đô thị, giảm thiểu mâu thuẫn giữa các ngành, hướng tới bảo vệ và phát huy tài nguyên đất đai và các nguồn lực hữu hạn của đô thị, đảm bảo sự phát triển bền vững.

Bên cạnh đó, cần đổi mới phương pháp lập quy hoạch theo hướng chiến lược. Vì quy hoạch

chiến lược xác định các mục tiêu và nhiệm vụ ưu tiên, hướng tới khả năng thực hiện và đề cao sự tham gia của các bên liên quan bao gồm chính quyền, chủ đầu tư và cộng đồng dân cư... Theo đó, sẽ phát huy được vai trò của các bên, thống nhất cam kết thực hiện, đảm bảo tính khả thi của đồ án quy hoạch; đồng thời đổi mới phương pháp lập quy hoạch theo hướng quy hoạch cấu trúc. Vì quy hoạch cấu trúc xác định quy mô phát triển đô thị, các cấu trúc không gian và khung hạ tầng kỹ thuật của đô thị, xác định được khung các khu vực cần bảo vệ nghiêm ngặt bao gồm cấu trúc tự nhiên, các khu vực nguy hiểm, các khu vực đặc thù, xác định quy mô phát triển đô thị và phân biệt rõ các vùng kiểm soát linh hoạt. Nhờ đó sẽ giảm thiểu việc điều chỉnh quy hoạch do xác định được các khu vực không được phép xâm phạm và ngoài ra sẽ là các khu vực có mức độ linh hoạt khác nhau (về chức năng và các chỉ tiêu sử dụng đất).

Về đổi mới quy trình, nội dung điều chỉnh quy hoạch, đề tài đề xuất nguyên tắc: Đảm bảo quyền lợi của cộng đồng; Kiểm soát được khung cấu trúc, ngưỡng tải hạ tầng và thực hiện các mục tiêu dài hạn; Không cho phép điều chỉnh quy hoạch xâm phạm và làm tổn hại các khu vực cần bảo vệ nghiêm ngặt bao gồm: Các không gian thoát nước tự nhiên, các khu vực bảo tồn cảnh quan, các khu vực tai biến thiên nhiên; Bảo đảm ranh giới phát triển đô thị (với các điều chỉnh quy hoạch xây dựng mở rộng ra ngoài ranh giới phát triển đô thị, phải đảm bảo khu vực điều chỉnh mở rộng mang lại lợi ích cho cộng đồng, và phải lập Báo cáo giải trình kinh tế - kỹ thuật - môi trường để minh chứng cho tính hữu ích vượt trội của dự án); Đối với đất công cộng: Điều chỉnh cần hướng đến lợi ích cộng đồng; cần đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn về chỉ tiêu đất đai, hạ tầng; đảm bảo bán kính

phục vụ và tăng cường khả năng tiếp cận; đối với các khu vực phát triển linh hoạt: Điều chỉnh quy hoạch cần thỏa mãn các điều kiện về khả năng dung nạp của quỹ đất, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật theo phân khu; tuân thủ các điều kiện về cảnh quan, môi trường, thiết kế đô thị.

Về chính sách pháp luật, đề tài kiến nghị bổ sung vào Điều 49, khoản 2 Luật Quy hoạch đô thị các mục sau: Không cho phép các điều chỉnh quy hoạch xâm phạm và làm tổn hại các khu vực cần bảo vệ nghiêm ngặt bao gồm: Các không gian thoát nước tự nhiên, các khu vực bảo tồn cảnh quan, các khu vực tai biến thiên nhiên; Bảo đảm ranh giới phát triển đô thị. Với các điều chỉnh quy hoạch xây dựng mở rộng ra ngoài ranh giới phát triển đô thị, phải đảm bảo khu vực điều chỉnh mở rộng mang lại lợi ích cho cộng đồng. Phải lập Báo cáo giải trình kinh tế - kỹ thuật - môi trường để minh chứng cho tính hữu ích vượt trội của dự án đối với cộng đồng; Đối với đất công cộng, các điều chỉnh phải đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn về chỉ tiêu đất đai, hạ tầng; Đảm bảo bán kính phục vụ và khả năng tiếp cận thuận lợi; Đối với các khu vực phát triển linh hoạt: Các điều chỉnh phải thỏa mãn các điều kiện về kiểm soát phát triển tại từng khu vực bao gồm đáp ứng khả năng dung nạp của quỹ đất, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật theo phân khu; tuân thủ các điều kiện về cảnh quan, môi trường, thiết kế đô thị.

Cùng với đó, bổ sung và chỉnh sửa Điều 51 Luật Quy hoạch đô thị như sau: Cơ quan có trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch đô thị trình và được cơ quan phê duyệt quy hoạch, phê duyệt chủ trương điều chỉnh quy hoạch; Cơ quan tư vấn lập Quy hoạch điều chỉnh và lập báo cáo đánh giá các tác động của việc điều chỉnh đến khu vực điều chỉnh quy hoạch và vùng phụ cận (đánh giá tác động giao thông, đánh giá khả năng dung nạp quỹ đất, giải trình

sự tuân thủ các quy định về tầng cao, giải trình sự phù hợp với các quy định thiết kế đô thị...); Cơ quan có trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch đô thị tổ chức xin ý kiến cộng đồng dân cư trong khu vực điều chỉnh quy hoạch và các khu vực xung quanh có ảnh hưởng trực tiếp và trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch đô thị xem xét; Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch đô thị xem xét, quyết định việc điều chỉnh cục bộ bằng văn bản trên cơ sở ý kiến của cơ quan thẩm định quy hoạch đô thị; Cơ quan tổ chức lập quy hoạch đô thị có trách nhiệm cập nhật và thể hiện trong hồ sơ quy hoạch những nội dung điều chỉnh. Nội dung điều chỉnh quy hoạch đô thị phải được công bố công khai theo quy định tại Điều 53 của Luật này.

Tại cuộc họp, các chuyên gia phản biện và thành viên Hội đồng đã đóng góp ý kiến giúp nhóm nghiên cứu tiếp thu, chỉnh sửa và hoàn thiện các sản phẩm đề tài. Theo nhận xét của Hội đồng, Báo cáo tổng kết đề tài đã xây dựng phương pháp tiếp cận cho lý luận đổi mới quy hoạch và quản lý phát triển đô thị dựa trên xu thế lý luận đổi mới chung của thế giới, điều kiện thực tế và kinh nghiệm đổi mới tại Việt Nam trong thời gian qua và tổng kết bài học và kinh nghiệm quốc tế tiêu biểu (Quy hoạch chiến lược, Quy hoạch cấu trúc chiến lược, Quy hoạch tổng thể mới). Hội đồng cũng đưa ra những góp ý giúp nhóm nghiên cứu tiếp thu, hoàn chỉnh Báo cáo, trong đó cần tập trung nhiều hơn đến nội dung tái phát triển đô thị, làm rõ khái niệm đất ở và đơn vị ở, đồng thời rà soát, biên tập Báo cáo đảm bảo ngắn gọn, súc tích hơn.

Kết luận cuộc họp, Thứ trưởng Nguyễn Tường Văn đánh giá, nhóm nghiên cứu VIUP đã đầu tư nhiều thời gian, công sức cũng như hàm lượng chất xám để thực hiện đề tài, hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ theo hợp đồng đã ký.

Báo cáo tổng kết đề tài mang tính bao quát, nội dung có sự kế thừa kết quả những nghiên cứu khoa học trước đó, đồng thời đưa ra những đề xuất, kiến nghị cần thiết nhằm tạo điều kiện thể chế hóa những giải pháp đổi mới toàn diện và đáp ứng những mục tiêu quan trọng giai đoạn sắp tới.

Thứ trưởng Nguyễn Tường Văn đề nghị nhóm nghiên cứu VIUP xem xét, tiếp thu các ý kiến góp ý của các chuyên gia phản biện và thành viên Hội đồng, xem xét, biên tập và bổ

cục các chương, mục đảm bảo hợp lý hơn, chỉnh sửa các lỗi chế bản, sớm hoàn thiện Báo cáo tổng kết và các sản phẩm đề tài, trình lãnh đạo Bộ Xây dựng xem xét, quyết định.

Hội đồng Tư vấn Bộ Xây dựng thống nhất bỏ phiếu nghiệm thu Đề tài Nghiên cứu khoa học trọng điểm cấp Bộ “Đổi mới phương pháp luận về quy hoạch và quản lý phát triển đô thị”, với kết quả đạt loại Khá.

Trần Đình Hà

## **Nghiệm thu Dự án sự nghiệp kinh tế: “Khảo sát, đánh giá tình hình xây dựng và triển khai thực hiện Chương trình, Kế hoạch phát triển nhà ở của các địa phương”**

Ngày 23/9/2020, tại Hà Nội, Hội đồng KHCN Bộ Xây dựng tổ chức cuộc họp nghiệm thu Dự án sự nghiệp kinh tế “Khảo sát, đánh giá tình hình xây dựng và triển khai thực hiện Chương trình, Kế hoạch phát triển nhà ở của các địa phương”, do nhóm nghiên cứu thuộc Cục Quản lý nhà và thị trường bất động sản thực hiện. Phó Vụ trưởng Vụ Kế hoạch tài chính Lê Đông Thành, Chủ tịch Hội đồng chủ trì cuộc họp.

Bảo vệ dự án trước Hội đồng, đại diện nhóm nghiên cứu nêu lên lý do, sự cần thiết phải tiến hành khảo sát, đánh giá tình hình xây dựng và triển khai thực hiện Chương trình, Kế hoạch phát triển nhà ở của các địa phương, đồng thời cho biết, đến nay 63/63 tỉnh, thành phố đã hoàn thành xây dựng Chương trình phát triển nhà ở đến năm 2020. Trong đó, 48/63 địa phương đã phê duyệt Chương trình nhà ở đến năm 2030, còn lại 15/63 địa phương đang điều chỉnh Chương trình đến năm 2030.

Về Kế hoạch phát triển nhà ở, đến nay toàn bộ các địa phương trên toàn quốc đã hoàn thành xây dựng Kế hoạch phát triển nhà ở, song với các giai đoạn khác nhau. Cụ thể: Có



*Toàn cảnh cuộc họp*

18/63 địa phương xây dựng Kế hoạch phát triển nhà ở cho giai đoạn 2018 - 2020; 27 địa phương xây dựng Kế hoạch cho giai đoạn 2016 - 2020; 2 địa phương xây dựng kế hoạch cho giai đoạn 2017 - 2020; 1 địa phương xây dựng Kế hoạch cho giai đoạn 2015 - 2020; còn lại các địa phương khác xây dựng kế hoạch đến năm 2021, 2023 hoặc đến năm 2025. Bên cạnh đó, dự án đưa ra dự báo về nhu cầu nhà ở thương mại và nhà ở xã hội trên phạm vi toàn quốc đến các năm 2025, 2030.

Để đảm bảo thành công Chương trình, Kế

hoạch phát triển nhà ở của các địa phương, dự án đưa ra nhiều giải pháp thực hiện liên quan đến các lĩnh vực: Quy hoạch xây dựng và kiến trúc; chính sách đất đai; giải pháp phát triển công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng bên ngoài công trình để đấu nối với các dự án phát triển nhà ở; giải pháp ứng phó biến đổi khí hậu; vốn, cơ chế chính sách tài chính về nhà ở; hoàn thiện cơ chế chính sách về nhà ở; phát triển thị trường nhà ở và quản lý nhà ở sau đầu tư; cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực nhà ở; hoàn thiện hệ thống, nâng cao năng lực tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về nhà ở; áp dụng khoa học công nghệ; công tác tuyên truyền vận động.

Kết thúc quá trình thực hiện, dự án kiến nghị: Bộ Xây dựng đề xuất Thủ tướng Chính phủ có văn bản yêu cầu UBND các tỉnh chỉ đạo đơn vị chức năng tiếp tục xây dựng Điều chỉnh, bổ sung Chương trình phát triển nhà ở đến năm 2030, Kế hoạch phát triển nhà ở giai đoạn 2020 - 2025, phù hợp với giai đoạn xây dựng Kế hoạch đầu tư công trung hạn của địa phương, đồng thời có giải pháp phù hợp và hiệu quả để phát triển nhà ở, nhất là nhà ở xã hội trên phạm vi toàn quốc; đôn đốc các địa phương tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 25/1/2017 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội, Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 23/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về một số giải pháp thúc đẩy thị trường bất động sản phát triển ổn định, lành mạnh, và các chương trình,

chính sách khác của nhà nước về nhà ở, đồng thời khuyến khích doanh nghiệp tích cực tham gia phát triển nhà ở xã hội.

Tại cuộc họp, Hội đồng KHCN Bộ Xây dựng đánh giá cao sự cần thiết phải tiến hành khảo sát, đánh giá tình xây dựng và triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch nhà ở của các địa phương, nhằm xây dựng, hoàn thiện các chính sách phát triển nhà ở phù hợp trong giai đoạn mới.

Theo đánh giá của Hội đồng, nhóm nghiên cứu Cục Quản lý nhà và thị trường bất động sản đã dành nhiều thời gian, công sức tiến hành khảo sát, thu thập thông tin, số liệu phục vụ dự án, thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao, hoàn thành đầy đủ sản phẩm theo hợp đồng đã ký. Tuy nhiên, nhóm nghiên cứu cần làm rõ những khó khăn, vướng mắc (nếu có) trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình, Kế hoạch phát triển nhà ở của các địa phương, đồng thời tiến hành rà soát, biên tập, chỉnh sửa lỗi trình bày, lỗi đánh máy, sớm hoàn thiện Báo cáo tổng kết và các sản phẩm dự án, trình lãnh đạo Bộ Xây dựng xem xét, quyết định.

Hội đồng KHCN Bộ Xây dựng nhất trí bỏ phiếu nghiệm thu Dự án sự nghiệp kinh tế “Khảo sát, đánh giá tình xây dựng và triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch nhà ở của các địa phương”, với kết quả đạt loại Khá.

**Trần Đình Hà**



## **Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn làm việc với các tỉnh Tiền Giang, Long An, Bến Tre về Dự án Trạm bơm nước thô Cái Bè**

Ngày 17/9/2020, tại trụ sở cơ quan Bộ Xây dựng, Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn đã có buổi làm việc với các tỉnh Tiền Giang, Long An, Bến Tre về đề xuất dự án “Trạm bơm nước thô Cái Bè và hệ thống tuyến ống truyền tải”. Tham dự buổi làm việc tại Bộ Xây dựng có đại diện các sở, ngành của các địa phương nói trên do Phó Chủ tịch UBND tỉnh Tiền Giang Lê Văn Nghĩa làm trưởng đoàn.

Thực hiện chỉ đạo của Phó Thủ tướng Trịnh Đình Dũng tại văn bản số 7435/VBCP-CN ngày 08/9/2020 của Văn phòng Chính phủ, giao Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, UBND tỉnh Tiền Giang về dự án “Trạm bơm nước thô Cái Bè và hệ thống tuyến ống truyền tải” tại văn bản số 3967/UBND-KTTC ngày 18/8/2020, nhằm cung cấp nước thô cho 3 tỉnh Tiền Giang, Long An, Bến Tre ứng phó với biến đổi khí hậu và xâm nhập mặn.

Tại cuộc họp, đoàn công tác của 3 tỉnh đã báo cáo về tính cấp bách phải thực hiện dự án “Trạm bơm nước thô Cái Bè và hệ thống tuyến ống truyền tải”. Theo báo cáo, mùa khô hạn giai đoạn 2015 - 2020 mà đỉnh điểm là mùa khô hạn năm 2019 - 2020 vừa qua, khu vực đồng bằng sông Cửu Long chịu thiệt hại nặng nề do diễn biến phức tạp của biến đổi khí hậu, nước biển dâng dẫn đến hiện tượng xâm nhập mặn. Trong đó, 3 tỉnh nói trên là một trong các khu vực bị ảnh hưởng và thiệt hại rất lớn do nguồn nước cho sinh hoạt, sản xuất và nông nghiệp bị nhiễm mặn, đặc biệt nghiêm trọng là tại tỉnh Bến Tre. Chỉ tính riêng thiệt hại về nông nghiệp do hạn mặn tại 3 tỉnh ước tính lên đến hàng ngàn tỷ đồng. Xâm nhập mặn khiến cho hầu hết các nhà máy nước mặt quy mô lớn đang hoạt động tại 3 tỉnh chưa có hoặc chưa đủ nguồn nước thô đảm bảo tiêu chuẩn để sản xuất và



*Toàn cảnh buổi làm việc*

cung cấp nước sạch cho nhu cầu sinh hoạt của người dân đồng thời gây khó khăn cho việc thu hút đầu tư trên địa bàn 3 tỉnh.

Đứng trước tình hình cấp bách của vấn đề nêu trên, thời gian qua 3 tỉnh Tiền Giang, Long An, Bến Tre đã quyết liệt chỉ đạo thực hiện các giải pháp để ứng phó, tuy nhiên vẫn chỉ mang tính chất tình thế. Do vậy, để giải quyết bài toán căn cơ về nguồn nước, đảm bảo an toàn nguồn nước và hạ tầng cấp nước ổn định; Ủy ban nhân dân 3 tỉnh đã thống nhất sự cần thiết phải đầu tư dự án “Trạm bơm nước thô Cái Bè và hệ thống tuyến ống truyền tải” với mục tiêu cung cấp nguồn nước thô cho các nhà máy sản xuất và cung cấp nước sạch hiện hữu và tương lai dọc tuyến trên địa bàn 3 tỉnh: Tiền Giang, Long An, Bến Tre. Đây là dự án có ý nghĩa hết sức quan trọng, góp phần giải quyết về lâu dài trong vấn đề nguồn nước cấp cho sinh hoạt, sản xuất trong bối cảnh diễn biến phức tạp của biến đổi khí hậu và xâm nhập mặn.

Theo báo cáo đề xuất dự án, “Trạm bơm nước thô Cái Bè và hệ thống tuyến ống truyền tải” sử dụng nguồn nước mặt lấy từ thượng nguồn sông Tiền (Trạm bơm Cái Bè), có dự phòng giải pháp thu nước từ sông Cái Cối thuộc

huyện Cái Bè là một nhánh lớn của sông Tiền có đầu nguồn xuất phát từ khu vực tỉnh Đồng Tháp. Dự án có công suất dự kiến trong giai đoạn 1 (năm 2020 - 2021) là 300.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm, giai đoạn 2 (năm 2024 - 2025) là 500.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm; tổng mức đầu tư giai đoạn 1 là 2.300 tỷ đồng với nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước bằng hình thức mời gọi nhà đầu tư.

Tại buổi làm việc, đề xuất dự án “Trạm bơm nước thô Cái Bè và hệ thống tuyến ống truyền tải” đã nhận được các ý kiến góp ý của 2 cơ quan chuyên môn Bộ Xây dựng là Cục Hạ tầng kỹ thuật và Vụ Quy hoạch-Kiến trúc. Theo đó, đề nghị tư vấn làm rõ sự phù hợp của dự án với Quy hoạch cấp nước vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2140/QĐ-TTg ngày 08/11/2016; cần đánh giá lại hiện trạng sử dụng nước thô của 3 tỉnh Tiền Giang, Long An, Bến Tre và đánh giá tác động môi trường đối với hệ thống ống truyền

tải, vấn đề an toàn tuyến ống; cần làm rõ chất lượng nguồn nước đầu vào, vấn đề an toàn cấp nước trong tương lai, tính lâu dài của dự án...

Phát biểu kết luận cuộc họp, Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn đánh giá cao tính trách nhiệm của lãnh đạo 3 tỉnh Tiền Giang, Long An, Bến Tre về vấn đề hạn mặn ảnh hưởng đến cuộc sống người dân và phát triển kinh tế-xã hội của các địa phương này. Trên tinh thần đó, Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn nhất trí về sự cần thiết, khẩn trương thực hiện dự án “Trạm bơm nước thô Cái Bè và hệ thống tuyến ống truyền tải” và chỉ đạo Cục Hạ tầng kỹ thuật là đơn vị đầu mối của Bộ Xây dựng phối hợp chặt chẽ với 3 tỉnh, tổ công tác điều phối dự án thực hiện các nội dung công việc có liên quan để Bộ Xây dựng có văn bản vào cuối tháng 9/2020 báo cáo, đề xuất Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định về dự án.

**Ninh Hoàng Hạnh**

## **Hội thảo Tập huấn Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng**

Ngày 18/9/2020, tại Hà Nội, Bộ Xây dựng tổ chức hội thảo Tập huấn Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14, với sự tham dự của đại diện các Sở Xây dựng địa phương, các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tư vấn, xây dựng.

Tại hội thảo, Phó Cục trưởng Cục Quản lý hoạt động xây dựng (thuộc Bộ Xây dựng) Bùi Văn Dưỡng phổ biến những nội dung cơ bản của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng, bao gồm: Cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực xây dựng; bãi bỏ, đơn giản hóa điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực xây dựng; bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất với

pháp luật có liên quan.

Phó Cục trưởng Bùi Văn Dưỡng nhấn mạnh, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng (viết tắt là Luật) phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm thẩm định của người quyết định đầu tư/chủ đầu tư và cơ quan chuyên môn về xây dựng. Căn cứ nguồn vốn sử dụng cho dự án đầu tư xây dựng, việc xác định chủ đầu tư được quy định như sau: Đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, việc xác định chủ đầu tư được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 7 và pháp luật về đầu tư công; Đối với dự án sử dụng vốn nhà nước theo quy định của pháp luật có liên quan, chủ đầu tư là cơ quan, tổ chức được người quyết định đầu tư giao quản lý, sử dụng vốn để đầu tư xây dựng; Đối với dự án đầu tư theo



*Phó Cục trưởng Cục Quản lý hoạt động xây dựng Bùi Văn Dưỡng giới thiệu Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng tại Hội thảo*

phương thức đối tác công tư (PPP), chủ đầu tư là doanh nghiệp dự án PPP được thành lập theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Đối với dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư hợp pháp của tổ chức, cá nhân mà pháp luật về đầu tư có quy định phải lựa chọn nhà đầu tư để thực hiện dự án, chủ đầu tư là nhà đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận. Trường hợp có nhiều nhà đầu tư tham gia thì các nhà đầu tư có thể thành lập tổ chức hoặc ủy quyền cho một nhà đầu tư làm chủ đầu tư. Trường hợp pháp luật có liên quan quy định về việc lựa chọn và công nhận chủ đầu tư thì việc lựa chọn và công nhận chủ đầu tư phải đáp ứng các điều kiện và tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan.

Căn cứ điều kiện cụ thể của dự án sử dụng vốn đầu tư công, người quyết định đầu tư giao Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành hoặc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực làm chủ đầu tư. Trường hợp không có Ban quản lý dự án hoặc có Ban quản lý dự án nhưng không đủ điều kiện thực hiện thì người quyết định đầu tư giao cơ quan, tổ chức có kinh nghiệm, năng lực quản lý làm chủ đầu tư; Chủ đầu tư chịu trách nhiệm trước pháp luật, người quyết định đầu tư và cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong phạm vi các quyền, nghĩa vụ của



*Toàn cảnh Hội thảo*

minh theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan”.

Về lập dự án đầu tư xây dựng, Luật quy định: Khi đầu tư xây dựng, chủ đầu tư hoặc cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án phải lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng. Nội dung Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng phải phù hợp với yêu cầu của từng loại dự án. Việc lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng phải tuân thủ quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Trước khi lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, việc lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đầu tư xây dựng được quy định như sau: Dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A sử dụng vốn đầu tư công; dự án PPP theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư; dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ theo quy định của Luật Đầu tư phải lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đầu tư xây dựng; Trình tự lập, thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đầu tư xây dựng được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công, pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Dự án đầu tư xây dựng chỉ cần lập Báo cáo

kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng trong các trường hợp: Công trình xây dựng sử dụng cho mục đích tôn giáo; Công trình xây dựng quy mô nhỏ và công trình khác do Chính phủ quy định. Nhà ở riêng lẻ của hộ gia đình, cá nhân khi xây dựng không phải lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.

Bổ sung Khoản 7 vào sau Khoản 6 Điều 53 như sau: Đánh giá sơ bộ tác động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và nội dung khác theo quy định của pháp luật có liên quan; Đối với dự án đầu tư xây dựng khu đô thị phải có thuyết minh về phương án xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội của dự án và kết nối với hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội ngoài phạm vi dự án, phương án bàn giao công trình.

Về thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, Luật quy định: Đối với dự án quan trọng quốc gia sử dụng vốn đầu tư công, việc thẩm định được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công; Đối với dự án PPP, việc thẩm định được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

Cơ quan chủ trì thẩm định, cơ quan chuyên môn về xây dựng được mời tổ chức, cá nhân có chuyên môn, kinh nghiệm tham gia thẩm định hoặc yêu cầu chủ đầu tư lựa chọn tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực để thẩm tra các nội dung cần thiết làm cơ sở cho việc thẩm định. Việc lựa chọn tổ chức, cá nhân thẩm tra phục vụ thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng được thực hiện theo quy định của Chính phủ. Phí thực hiện thẩm định dự án, thiết kế xây dựng, chi phí thẩm tra được tính trong tổng mức đầu tư của dự án; Cơ quan chủ trì thẩm định có trách nhiệm tổng hợp kết quả thực

hiện, trình người quyết định đầu tư phê duyệt dự án, quyết định đầu tư xây dựng.

Về thẩm định, phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở: Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức thẩm định bước thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở để phê duyệt, trừ trường hợp người quyết định đầu tư có quy định khác tại quyết định đầu tư xây dựng. Đối với các bước thiết kế còn lại, chủ đầu tư quyết định việc kiểm soát thiết kế theo hợp đồng với nhà thầu và quy định của pháp luật.

Công trình có ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng phải được tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực hoạt động xây dựng thẩm tra thiết kế xây dựng về an toàn, tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật làm cơ sở cho việc thẩm định; chủ đầu tư phê duyệt bước thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở và được quyết định về phê duyệt các bước thiết kế còn lại.

Về giấy phép xây dựng, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng đã lồng ghép thủ tục giấy phép xây dựng với thẩm định thiết kế. Cụ thể, các công trình thuộc đối tượng được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định thiết kế sau thiết kế cơ sở được miễn giấy phép xây dựng, cơ quan chuyên môn phải đánh giá các nội dung của giấy phép xây dựng; các công trình không phải thẩm định thiết kế xây dựng bởi cơ quan chuyên môn phải thực hiện cấp giấy phép xây dựng.

Bên cạnh đó, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng bổ sung đối tượng được miễn giấy phép xây dựng; điều kiện được miễn giấy phép xây dựng đối với công trình, nhà ở riêng lẻ ở nông thôn.

Luật quy định, Bộ trưởng Bộ quản lý chuyên ngành, Chủ tịch UBND cấp tỉnh ban hành để áp dụng hoặc tham khảo xác định và quản lý chi phí: Vốn đầu tư công; vốn nhà nước ngoài đầu tư công, PPP; vốn khác. Chính phủ quy định về

định kỳ rà soát, cập nhật, điều chỉnh định mức. Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định xác định định mức xây dựng mới, điều chỉnh định mức xây dựng không phù hợp với yêu cầu đặc thù của công trình, quy định việc xác định chỉ số giá xây dựng công trình nằm trên địa bàn 2 tỉnh trở lên.

Trong quá trình giới thiệu những nội dung cơ bản của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng, Phó Cục trưởng Bùi Văn Dương

đồng thời lồng ghép một số nội dung chính trong các dự thảo Nghị định hướng dẫn thực hiện Luật này (đang được cơ quan chuyên môn của Bộ Xây dựng soạn thảo, hoàn thiện) nhằm giúp các đại biểu tham dự hội thảo có sự hệ thống hóa trong quá trình tiếp nhận và phản hồi thông tin đạt hiệu quả cao nhất.

Trần Đình Hà

## **Hội nghị Thẩm định Nhiệm vụ Quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế Cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh tỉnh Gia Lai đến năm 2045**

Ngày 17/9/2020, Bộ Xây dựng tổ chức Hội nghị thẩm định Nhiệm vụ Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh đến năm 2045. Tham dự hội nghị có ông Đỗ Tiến Đông – Phó Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai cùng đại diện lãnh đạo các đơn vị tại địa phương: UBND huyện Đức Cơ, Ban QL Khu kinh tế, Sở Xây dựng tỉnh Gia Lai; đại diện các bộ liên quan, đại diện các Cục, Vụ chuyên môn Bộ Xây dựng, hội nghề nghiệp và đơn vị tư vấn lập Nhiệm vụ quy hoạch (Trung tâm Kiến trúc miền Nam thuộc Viện Kiến trúc quốc gia). Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Tường Văn - Chủ tịch Hội đồng thẩm định chủ trì hội nghị.

Tại Hội nghị, đơn vị tư vấn lập nhiệm vụ đã báo cáo tóm tắt nhiệm vụ. Theo đó, Khu kinh tế (KKT) cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh thuộc tỉnh Gia Lai được thành lập theo Quyết định số 139/2001/QĐ-TTg ngày 21/9/2001 của Thủ tướng Chính phủ (khi đó mang tên Khu kinh tế cửa khẩu Đường 19, tỉnh Gia Lai).

Đến năm 2017, cửa khẩu Lệ Thanh tỉnh Gia Lai được nâng cấp từ cửa khẩu quốc gia lên cửa khẩu quốc tế theo Quyết định số 306/QĐ-TTg (Lệ Thanh - tỉnh Gia Lai - An Đông Pếch - tỉnh Ratanakira - Campuchia).

Năm 2002, UBND tỉnh Gia Lai đã phê duyệt



*Toàn cảnh Hội nghị*

Quy hoạch chung xây dựng (QHCCXD) thị trấn cửa khẩu đường 19 tại Quyết định số 46/2002/QĐ-UBND ngày 04/7/2002, trong đó có diện tích đất xây dựng là 276,6 ha, định hướng dân số đến năm 2020 là 9600 người. Tuy nhiên, theo Quyết định số 139/2001/QĐ-TTg ngày 21/9/2001 của Thủ tướng Chính phủ thì không gian KKT cửa khẩu đường 19 bao gồm 04 xã và 01 thị trấn của huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai, với tổng diện tích tự nhiên là 41.515 ha. Do vậy, QHC năm 2002 chưa có định hướng tính kết nối tổng thể để phát triển cho toàn KKT và còn thiếu một số khu chức năng thuộc KKT. Như vậy, có thể thấy QHCCXD thị trấn cửa khẩu đường 19 năm 2002 chưa đáp

ứng được nhu cầu phát triển trong tình hình thực tế hiện nay cũng như định hướng lâu dài. Vì vậy, việc lập QHCXD KKT cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh là rất quan trọng để nơi đây phát triển toàn diện trở thành một vùng kinh tế động lực của tỉnh Gia Lai.

Với vị trí nằm trong khu vực tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam, sự phát triển của KKT cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh có ý nghĩa quan trọng và tác động rất lớn tới quá trình phát triển của tỉnh Gia Lai cả về kinh tế - xã hội và quốc phòng-an ninh, kết nối các hoạt động kinh tế của tỉnh, vùng Tây Nguyên, Duyên hải Nam Trung Bộ với các tỉnh Đông Bắc Campuchia.

Phạm vi lập quy hoạch KKT cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh bao gồm địa giới hành chính của thị trấn Chư Ty, các xã Ia Kla, Ia Dom, Ia Nan, Ia Pnôn thuộc huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai với tổng diện tích tự nhiên 415,15 km<sup>2</sup>.

Nhiệm vụ nêu mục tiêu xây dựng KKT cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh thành một vùng kinh tế động lực của tỉnh Gia Lai, gắn với củng cố an ninh quốc phòng và bảo vệ chủ quyền quốc gia. Với tính chất là khu kinh tế tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực, là đầu mối giao thương phía tây của tỉnh Gia Lai, vùng Tây Nguyên và quốc tế; là điểm trung chuyển quan trọng về hàng hóa, khách du lịch trên tuyến hành lang Đông-Tây giữa hai nước Việt Nam và Campuchia.

Sau khi nghe đơn vị tư vấn báo cáo, ý kiến của các bộ, ngành về cơ bản đều thống nhất với nội dung Nhiệm vụ QHCXD KKT cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh đến năm 2045 trình thẩm

định. Bên cạnh đó, ý kiến góp ý của Hội đồng đề nghị cần bổ sung, làm rõ thêm một số nội dung trong nhiệm vụ quy hoạch như: về căn cứ pháp lý lập nhiệm vụ, cập nhật các văn bản pháp lý liên quan, rà soát lại bản đồ, căn cứ đưa ra các chỉ tiêu dự báo, các nội dung liên quan đến quá trình thực hiện QH KKT, diện tích nghiên cứu lập QHC KKT, đánh giá hiện trạng phát triển KKT cửa khẩu...

Phát biểu kết luận hội nghị, Thứ trưởng Nguyễn Tường Văn đề nghị đơn vị tư vấn, tỉnh Gia Lai rà soát lại nội dung Nhiệm vụ, bổ sung theo ý kiến góp ý của các bộ, ngành và thành viên Hội đồng, đề nghị làm rõ căn cứ diện tích nghiên cứu lập QHC KKT cửa khẩu Lệ Thanh như nhiệm vụ đã nêu. Thứ trưởng Nguyễn Tường Văn cũng lưu ý tỉnh Gia Lai và đơn vị tư vấn, nhiệm vụ cần làm rõ vấn đề động lực phát triển của KKT cửa khẩu là gì cũng như xác định được vị trí, vai trò của KKT cửa khẩu Lệ Thanh đối với tỉnh Gia Lai, vùng Tây Nguyên và Campuchia, trong tương quan so sánh với các KKT cửa khẩu lân cận...để xây dựng dự báo phát triển KKT mang tính khả thi trong tương lai.

Thứ trưởng Nguyễn Tường Văn đề nghị tỉnh Gia Lai chỉ đạo đơn vị tư vấn, phối hợp chặt chẽ với Vụ Quy hoạch - Kiến trúc Bộ Xây dựng thực hiện rà soát lại dự thảo tờ trình và quyết định phê duyệt nhiệm vụ để chuyển lại cho Bộ Xây dựng trước khi Bộ Xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

**Ninh Hoàng Hạnh**

## **Khu vực dự kiến thành lập thị xã Chơn Thành đạt tiêu chí đô thị loại IV**

Ngày 24/9/2020, tại Hà Nội, Hội đồng Nâng loại đô thị quốc gia tổ chức hội nghị Thẩm định Đề án Đề nghị công nhận khu vực dự kiến thành lập thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước đạt tiêu chí đô thị loại IV. Được sự ủy quyền của

lãnh đạo Bộ Xây dựng, Cục trưởng Cục Phát triển đô thị Trần Quốc Thái chủ trì hội nghị.

Dự Hội nghị có lãnh đạo UBND tỉnh Bình Phước, lãnh đạo Huyện ủy, UBND huyện Chơn Thành và đại diện các Bộ, ngành Trung ương,

các hội, hiệp hội chuyên ngành là thành viên Hội đồng.

Theo Báo cáo thuyết minh Đề án do đại diện UBND huyện Chơn Thành trình bày, huyện Chơn Thành nằm ở phía Tây tỉnh Bình Phước, có diện tích tự nhiên 38.357,8ha với tổng dân số là 107.350 người (năm 2019, đã bao gồm dân số quy đổi); phía Bắc giáp huyện Hớn Quản, phía Nam giáp huyện Bến Cát, Phú Giáo (tỉnh Bình Dương), phía Đông giáp huyện Đồng Phú, thị xã Đồng Xoài, phía Tây giáp huyện Dầu Tiếng (tỉnh Bình Dương).

Huyện Chơn Thành đồng thời nằm ở phía Nam Tây Nguyên và Đông Bắc TP. Hồ Chí Minh, nơi có tuyến QL13 và QL14 đi qua. Tại đây cũng có nhiều đường giao thông quan trọng của vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam chạy qua và giao nhau ở trung tâm huyện và là huyết mạch nối liền các tỉnh biên giới miền Đông Nam Bộ, Tây Nguyên và TP. Hồ Chí Minh. Ngoài 2 trục đường chính, Chơn Thành còn có nhiều đường liên xã, hình thành một mạng lưới giao thông thuận lợi cho việc giao lưu, phát triển kinh tế, văn hóa trong và ngoài huyện.

Nhờ vị trí địa lý chiến lược cùng với sự quan tâm đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng của UBND tỉnh Bình Phước trong những năm qua, huyện Chơn Thành đã và đang có những bước phát triển mạnh mẽ, kinh tế tăng trưởng cao, tốc độ đô thị hóa nhanh, chất lượng cuộc sống người dân được cải thiện, diện mạo kiến trúc cảnh quan đô thị được xây dựng theo hướng văn minh hiện đại.

Cụ thể: Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm gần nhất (2017, 2018, 2019) của huyện Chơn Thành đạt 19,83%; tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh, chỉ còn 0,88%; tổng thu nhập bình quân đầu người năm 2019 đạt khoảng 63 triệu đồng/người; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp, xây dựng, dịch vụ, giảm tỷ trọng nông, lâm, thủy sản; tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn đô thị đạt 68,59%; tỷ lệ nhà kiên cố, bán kiên cố đạt trên



*Cục trưởng Trần Quốc Thái phát biểu kết luận Hội nghị*

92%; tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng đạt 91,27%; tỷ lệ ngõ, hẻm chính được chiếu sáng đạt trên 67%; tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch đạt trên 96%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý tại khu chôn lấp hợp vệ sinh hoặc tại nhà máy chế biến rác thải đạt khoảng 71,5%.

Theo đại diện UBND huyện Chơn Thành, việc công nhận khu vực dự kiến thành lập thị xã Chơn Thành đạt tiêu chí đô thị loại IV là rất cần thiết, nhằm tạo động lực phát huy vai trò, vị thế chiến lược về kinh tế xã hội, quốc phòng an ninh đồng thời tạo cơ sở nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân địa phương.

Trên cơ sở Nghị quyết 1210/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị, UBND tỉnh Bình Phước đánh giá khu vực dự kiến thành lập thị xã Chơn Thành đã cơ bản đạt 5 tiêu chí đô thị loại IV với tổng số điểm đạt 89/100 điểm. Tuy nhiên, bên cạnh những tiêu chuẩn đạt ở mức cao, huyện Chơn Thành còn một số tiêu chuẩn chưa đạt, hoặc đạt ở mức thấp như: Mật độ dân số toàn đô thị; cơ sở y tế cấp đô thị; tỷ lệ nước thải sinh hoạt đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật; nhà tang lễ.

Nhằm nâng cao chất lượng Báo cáo thuyết minh Đề án, các thành viên Hội đồng đã đưa ra những ý kiến góp ý để UBND huyện Chơn Thành tiếp thu, hoàn thiện Báo cáo, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. Các nội dung góp ý bao gồm các lĩnh vực: Giao thông, tài

chính, quy hoạch, tài nguyên, môi trường, công thương, nông nghiệp, an ninh quốc phòng.

Kết luận Hội nghị, Cục trưởng Trần Quốc Thái nhấn mạnh vai trò, vị trí, chức năng quan trọng của khu vực dự kiến thành lập thị xã Chơn Thành đối với tỉnh Bình Phước và khu vực Đông Nam Bộ, Tây Nguyên, đồng thời cho biết hồ sơ Đề án đã được xây dựng đầy đủ theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật và theo yêu cầu của Nghị quyết 1210/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị.

Để khu vực dự kiến thành lập thị xã Chơn Thành ngày càng phát triển, đáp ứng tốt nhất các tiêu chí, tiêu chuẩn đô thị loại IV, Cục trưởng Trần Quốc Thái đề nghị UBND tỉnh Bình Phước, UBND huyện Chơn Thành xem xét, tiếp thu những ý kiến đóng góp của đại diện các Bộ ngành, các hội, hiệp hội chuyên ngành Trung

ương, tập trung nguồn lực khắc phục những tiêu chuẩn chưa đạt hoặc đạt ở mức thấp, đẩy mạnh đầu tư, phát triển đô thị nhằm tạo động lực đẩy mạnh phát triển kinh tế xã hội của địa phương, lưu ý rà soát quy hoạch chung đã được phê duyệt trước đó, đảm bảo xây dựng và phát triển đô thị có định hướng và theo đúng quy hoạch, chú trọng và bảo vệ cảnh quan, môi trường đô thị, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân địa phương.

Hội đồng Nâng loại đô thị quốc gia nhất trí bỏ phiếu thông qua Đề án Đề nghị công nhận khu vực dự kiến thành lập thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước đạt tiêu chí đô thị loại IV, với điểm số 87/100 điểm.

**Trần Đình Hà**

## **Từ thành phố vườn tới thành phố sinh học - kỹ thuật số**

Cách hiểu thành phố như một hệ sinh thái đòi hỏi sự giao thoa hoàn chỉnh của lĩnh vực quy hoạch đô thị với môi trường sinh thái. Xu hướng sinh thái trong tiến trình phát triển của quy hoạch và kiến trúc hiện đại được thể hiện ngày càng rõ hơn. Trong cuốn sách “Biosphere and the City” (2000), tác giả V.Vladimirov dựa trên học thuyết của V. Vernadsky về sinh quyển đã cho rằng: cân bằng nội môi của sinh quyển được duy trì bởi trí tuệ của con người. Điều này sau 20 năm càng chứng tỏ tính đúng đắn và tầm quan trọng, khi trên thực tế khủng hoảng sinh thái toàn cầu - hệ quả của tốc độ đô thị hóa nhanh và hoạt động địa hóa của con người - đang diễn ra.

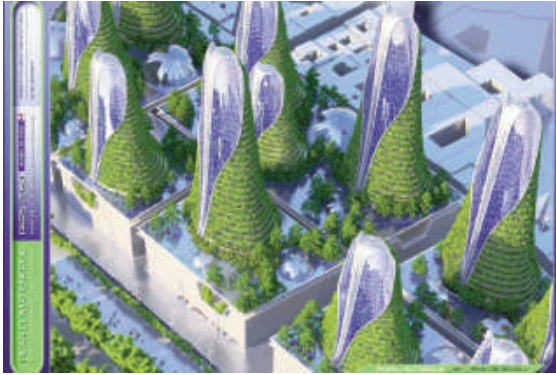
Bài viết đề cập tới khả năng của các công nghệ số như một loại công cụ để hài hòa môi trường đô thị, duy trì và phát triển các hệ sinh thái tự nhiên và văn hóa nhằm giảm tác động tiêu cực của quá trình đô thị hóa tới thực trạng môi trường tự nhiên; tích lũy, kế thừa và phát

huy nền tảng văn hóa xã hội của thành phố. Mục đích của tác giả bài viết là trình bày những nghiên cứu tiến bộ và các giải pháp thực tế về sự tương tác của các công nghệ số với môi trường đô thị; xác lập mục đích, mức độ cần thiết của việc số hóa và tích hợp kỹ thuật số vào các hệ sống.

### **“Bio-urban city - hiện thực hay điều không tưởng?”**

Năm 1898, E. Howard đã đặt nền móng cho ý tưởng về thành phố vườn; kể từ đó, nhiều cách tiếp cận và phương pháp đã được thử nghiệm để hiện thực hóa ước mơ về tương lai của các cư dân thị thành: Tận hưởng mọi lợi ích của văn minh đô thị, đồng thời được hít thở bầu không khí tươi mát do hệ thực vật mang đến. Thiết kế hài hòa với thiên nhiên đã là tôn chỉ của các kiến trúc sư trong hơn một thế kỷ qua. Sự tăng trưởng nhanh chóng các thành phố và các vấn đề liên quan đến quá trình “phình to” lấn chiếm các diện tích xanh; gia tăng dân số





Đề án Paris Smart City 2050 theo đề xuất của V.Callebaut



Dự án Semaphore của V.Callebaut

và mật độ xây dựng, các khu vực giao thông với cơ sở hạ tầng cần thiết; vấn đề rác thải... khiến nhu cầu về các diện tích xanh tăng lên. Trong những quy hoạch tổng thể các thành phố thế kỷ XX, các khái niệm về vùng đệm, vành đai xanh, hành lang xanh đã được nghiên cứu; các chuẩn mực về diện tích xanh công cộng đã được xem xét, từ đó xây dựng các tiêu chuẩn chung toàn cầu về lối ứng xử với môi trường sinh thái.

Tuy nhiên, vào cuối thế kỷ XX, khái niệm tạo ra một hệ thống xanh liên tục trong đô thị dựa trên các mảng xanh lớn liên kết với nhau bằng những hành lang xanh khó có thể trở thành hiện thực, do toàn bộ đất đô thị được xây dựng. Bước sang thế kỷ XXI, với sự phát triển mạnh của công nghệ thông tin, ý tưởng về các thành phố vườn lại được nối tiếp, với đề xuất sử dụng phối hợp các nguồn tài nguyên thiên nhiên sẵn có và các hệ thống kỹ thuật số.

Ở khía cạnh sinh học - xã hội, sinh quyển Trái đất không chỉ được xem như một nơi chứa vật chất sống, mà trước hết là nơi hoạt động của con người được gắn kết với môi trường thành một hệ thống "tự nhiên - xã hội". Thành phố cũng được coi là một hệ thống sống; việc sử dụng các công nghệ mới trong quá trình biến đổi của hệ thống này không chỉ mang tính logic mà còn quan trọng về mặt chiến lược. Sự thể hiện ý tưởng này là bio-urban city hay thành phố sinh học - kỹ thuật số (thành phố sinh - số). Thành phố sinh - số là cách tư duy hiện đại về

thành phố vườn như một hệ thống sống độc đáo, vận động không ngừng, tổng hòa thiên nhiên và kỹ thuật số. Tuy nhiên, tư duy về cách tiếp cận để tạo ra sự kết hợp như vậy khác nhau tùy theo mỗi văn phòng thiết kế hoặc nhà nghiên cứu.

### Kiến trúc bioclimatic

Vincent Callebaut, kiến trúc sư sinh học và phỏng sinh học hàng đầu của Pháp cho rằng "khái niệm tương tác giữa các hệ thống số và hệ thống tự nhiên đã giúp biến các thành phố thành những hệ sinh thái trưởng thành". Những tính chất đã được biết đến từ lâu của hệ thực vật (khả năng cải thiện chất lượng không khí và nước, điều hòa vi khí hậu, giảm tiếng ồn) đã trở thành cơ sở cho các dự án xây dựng công trình có đặc tính bioclimatic. Bằng cách này, công trình được xem như một yếu tố cảnh quan.

Văn phòng Vincent Callebaut Architectures chuyên làm những dự án tích hợp các giải pháp kiến trúc hiện đại với các yếu tố tự nhiên, có mục tiêu hoạt động là thiết kế các tòa nhà biomimetic (phỏng sinh học) có thể tự sản xuất năng lượng, vườn theo phương thẳng đứng, các thành phố nổi... thể hiện sâu sắc ý tưởng của V. Callebaut. Trong khuôn khổ đề án ParisSmartCity 2050 đang đề xuất, Callebaut chọn chiến lược cải tạo điểm tại những khu vực khác nhau thuộc Paris. Các nhiệm vụ của dự án gồm có áp dụng vào không gian lịch sử, cải tạo các khu vực hoang hóa, cải tạo quỹ nhà ở.



Gian trưng bày Algae Folly của ecoLogicStudio tại Milan Expo 2015

Tuy nhiên, khi xây dựng các vùng lãnh thổ chưa được sử dụng, mật độ xây dựng đương nhiên cũng tăng lên. KTS cho rằng nếu ứng dụng các yếu tố cảnh quan một cách rộng rãi, hệ thống mới sẽ giảm thiểu mức tiêu thụ tài nguyên môi trường trong các kế hoạch năng lượng cũng như xã hội. Hầu như không dựa vào những cải cách chung môi trường đô thị của Paris, ông đề xuất xây dựng những hòn đảo tự chủ có tính bền vững môi trường. Đó là những tổ hợp đa mức, đa năng, là một dự án đầy tham vọng. Toàn bộ kế hoạch dựa vào ý tưởng đúng đắn - tránh việc “phình rộng” thiếu kiểm soát của một siêu đô thị.

Một dự án khác của V. Callebaut là “Semaphore” - tòa nhà trụ sở chính Tập đoàn Soprema chuyên sản xuất thiết bị công nghệ sinh thái phục vụ xây dựng. Ngoài các panel quang hợp năng lượng mặt trời truyền thống hoạt động hiệu quả trong điều kiện khí hậu ôn hòa của Strasbourg và các thiết bị sản xuất năng lượng thay thế, trong tòa nhà còn có các yếu tố nông nghiệp đô thị như các luống rau, hoa, nhà kính. Giải pháp bố cục hình khối (mái nhà bậc thang, nhà hát hình tròn) góp phần đưa yếu tố cảnh quan vào tổ hợp một cách hiệu quả. Về mặt quy hoạch, tổ hợp có vai trò kết nối không gian nước với không gian công cộng của Port du Rhin và các khu dân cư lân cận, không chỉ trở thành không gian làm việc của công ty mà còn là nơi nghỉ ngơi giải trí của cư dân và

khách đến thăm thành phố.

Qua các ví dụ trên đây, có thể thấy mong muốn phát triển các giải pháp không gian và hình khối hiệu quả của các công ty quy hoạch - kiến trúc, trong đó các công nghệ số eco đóng vai trò bổ sung, củng cố và góp phần hình thành những đơn vị tự chủ bền vững; xu thế này thuộc về đa số các quốc gia phát triển. Biểu thị trực quan dựa trên kỹ thuật phỏng sinh học (biomimetic) luôn nói lên khát khao gần gũi thiên nhiên; tuy nhiên trong môi trường đô thị hiện nay, những thiết kế của V. Callebaut giống những người khổng lồ thiếu hòa hợp và có phần lấn át môi trường xung quanh.

### **Các công nghệ lai (hybrid) - cầu nối giữa hệ sống và nhân tạo**

So với kiến trúc bioclimatic và sao chép các hình dạng tự nhiên, lai kỹ thuật số sinh học thể hiện cách tiếp cận tiến bộ hơn để kết hợp sinh học và các công nghệ hiện đại. Xu thế này gồm cả vật liệu xây dựng có thể lắp ghép và các mặt tiền “sống”. Các thử nghiệm mới nhất về sự tăng trưởng của các tế bào sống dưới sự kiểm soát của hệ thống kỹ thuật số vẫn đang được thực hiện.

Văn phòng Kiến trúc Servo (Stockholm, Thụy Điển) ứng dụng công nghệ này trong dự án Trung tâm Khoa học tự nhiên sáng tạo ở vùng Albano (Stockholm). Trong dự án, hệ thống hydrophile (là tổ hợp các ống sinh học cùng với việc phân phối nước và dưỡng chất qua đó) được áp dụng. Tùy theo các thông số hình học của mái nhà và hệ thống cấp nước, các vùng thực vật đa dạng được hình thành trong đất - từ các loài thực vật đặc trưng cho vùng khô cằn đến những đại diện tiêu biểu của các vùng đồng cỏ và vùng ngập nước. Không gian bên trong của tổ hợp bao gồm nhiều phòng thí nghiệm chuyên môn dành cho việc theo dõi quá trình tăng trưởng của thực vật (quá trình này được hỗ trợ bởi các thiết bị kiểm soát khí hậu kỹ thuật số).

Trong nhiều dự án của mình, Servo cũng mô

phông các yếu tố tự nhiên, đặc biệt là những yếu tố địa phương - mỏm đá, vách núi, hẻm, thung lũng, đầm lầy, hồ rất đặc trưng cho Thụy Điển. Khi làm việc với yếu tố cảnh quan, các chuyên gia Servo cố gắng hình thành những thiết chế bán tự chủ bền vững, trở thành cơ sở để nghiên cứu các công nghệ hybrid.

Văn phòng Kiến trúc ecoLogicStudio (London, Anh) đang nghiên cứu khả năng tương tác của môi trường nhân tạo với các cơ quan sinh học để hình thành “tập hợp đồng tiến hóa”, coi kỹ nguyên mô phỏng tự nhiên trong các thành phố là một giai đoạn đã qua, xã hội đã trưởng thành hơn để tạo ra và đánh giá loại vật chất sống mới. Văn phòng sở hữu quyền tác giả của nhiều tác phẩm và phát minh có ứng dụng vi tảo, chẳng hạn một chất tương tự các đệm khí EFTE. Tại đó, dưới tác động của một loạt yếu tố, tảo có thể tăng khối chất, do đó tăng độ bao phủ, thay đổi màu sắc, hệ số phản xạ... Mọi biến hình đều được kiểm soát bởi các cảm biến kỹ thuật số. Dự án Urban Algae Folly được trình bày tại EXPO 2015 ở Milan là một gian trưng bày có lớp vỏ EFTE với tảo. Tại bất cứ thời điểm nào trong ngày ở bên trong gian hàng này cũng rất thoải mái, dễ chịu.

Trong kỷ nguyên số, một kiểu tương tác mới được thiết lập giữa tác phẩm và các lĩnh vực khoa học tự nhiên (sinh học thần kinh và tổng hợp), thể hiện sự chuyển đổi khái niệm “sống” sang một hình dạng nhân tạo đặc biệt.

Dự án ecoLogicStudio HORTUS: XL là sự “nổi loạn” chống lại độc quyền của trí tuệ loài người khi đưa ra giải pháp trí thông minh kỹ thuật số sinh học. Dựa trên các mô hình sinh học về quá trình cộng sinh bên trong, các cấu trúc không gian được thiết kế, các quá trình sinh trưởng diễn ra (mô phỏng quá trình tăng trưởng của các cấu trúc san hô) và được điều khiển bằng một thuật toán kỹ thuật số. Các quá trình trao đổi chất trong cấu trúc không gian này được kích thích bởi quá trình quang hợp và đồng thời tạo ra oxy và sinh khối. Theo những

người sáng tạo, sự tăng trưởng có kiểm soát trong dự án có thể trở thành nền tảng cho một kiến trúc kỹ thuật số sinh học mới.

Trong một dự án khác của ecoLogicStudio - HORTUS.PARIS - dựa trên nguyên mẫu của cột nhà, một thành phần đang phát triển và có thể tương tác được tạo ra, hợp nhất cảnh quan sàn và trần thành một “vườn cây”. Sự tuần hoàn và tái tạo của vật chất trong hệ thống giống như cây này được bảo đảm bằng các dòng dữ liệu, tức là bằng kết quả các quá trình ảo liên quan đến hoạt động của người dùng cài đặt này trong mạng xã hội. Càng có nhiều người tương tác với khu vườn thông qua các cộng đồng ảo, sinh khối và mức carbon dioxide (vốn rất cần để nuôi tảo - cơ sở sống của cả hệ thống) càng tăng mạnh.

Thành công của dự án nằm ở sự thể hiện về mặt vật chất của những ý tưởng siêu hình: Kiến trúc lai sinh học mở đường cho những giải pháp hình khối - không gian. Ngoài ra, dự án còn là sự thể hiện ý tưởng về các cấu trúc và yếu tố tự bảo đảm có thể ứng dụng trong hiện thực thiết kế đô thị. Ý tưởng này thực tế lại đưa đến tư duy về những đơn vị tự chủ của cân bằng sinh thái.

Các công nghệ lai được trình bày trên đây đang trong giai đoạn thử nghiệm, bước đầu đã hình thành các cấu trúc cải tiến hơn, nhờ thay đổi các nguyên tắc chuyển hóa (metabolism) bên trong các hệ thống sống và hệ thống nhân tạo, đồng thời vận dụng các khía cạnh tích cực trong môi trường tự nhiên cũng như nhân tạo.

### **Bản sắc đô thị và sự hội nhập số hóa**

Thành phố như một cơ thể sống, luôn thay đổi, và trong cơ thể đó, thực trạng môi trường lịch sử - văn hóa là một chỉ số đánh giá chất lượng của môi trường đô thị. Các không gian lịch sử - văn hóa xác lập giá trị và bản chất của thành phố, góp phần hình thành tâm lý và sự tự nhận thức của mỗi công dân thành phố. Philippe Clergo - người đã xác định thành phần kiến trúc của thành phố chính là sự đảm bảo cho đa dạng sinh học - cũng cho rằng văn hóa

là một trong những thành phần chủ đạo trong quá trình phát triển (mang tính kế thừa) của xã hội, hình thành bản sắc địa phương, sự tự nhận thức. Mỗi cộng đồng có “mã gen” riêng, trước hết mã gen này được thể hiện trong môi trường sống. Cảnh quan nhân tạo tiếp tục phát triển theo quy luật tự nhiên và tạo thành một trong những chuỗi gen của cảnh quan tự nhiên. Khung văn hóa của các thành phố, được xác định bởi các đặc điểm tự nhiên của địa phương cũng như hệ sinh thái tự nhiên cần phải được bảo tồn, kiểm soát và duy trì thông qua các hệ thống kỹ thuật số.

Năm 2014, trong chương trình mới Digital Social Innovation, Liên Hợp quốc đã nhấn mạnh sự chuyển dịch trọng tâm từ di sản văn hóa như một phạm trù toàn cầu sang văn hóa như một sản phẩm từ hoạt động của các cộng đồng địa phương. Những ý tưởng sử dụng các tài nguyên truyền thông - xã hội và sự tương tác mạng xã hội nhằm duy trì và phát triển bản sắc của các nền văn hóa được nghiên cứu. Và nếu so sánh các dự án lai kỹ thuật số - sinh học và các dự án bioclimatic, có thể thấy hệ sinh thái văn hóa đang nghiêng về cùng một xu hướng tạo ra những hệ thống văn hóa độc lập. Nhiệm vụ chính đặt ra đối với không gian văn hóa kỹ thuật số là bảo tồn và duy trì bản sắc văn hóa của các cộng đồng.

Cần lưu ý các hệ thống kỹ thuật số đã và đang trở thành một cấp độ tổ chức bổ sung và cần thiết của một cấu trúc đô thị văn hóa -sinh học sống, từ các quy trình quy mô của sự chuyển hóa bên trong (hệ thống cung cấp năng lượng, tiện ích, mạng lưới giao thông...) đến mỗi tòa nhà, công trình như một đơn vị tổ chức tại chỗ; trong khi đó, các hệ thống số vẫn ít được sử dụng như các hệ thống kết hợp văn hóa - xã hội. Ý tưởng về “thành phố thông minh” theo truyền thống được coi là sự biểu thị của tương tác số -xã hội trong môi trường đô thị. D. Thorns trong cuốn sách “Chuyển đổi đô thị: Lý thuyết về thành phố và cuộc sống đô thị” (2002)

đã đề xuất kết hợp quy hoạch kiến trúc và các ngành công nghiệp sáng tạo với khái niệm ổn định xã hội và môi trường, và đặt tên là “chương trình tăng trưởng thông minh”. Bà xem xét vấn đề xây dựng chính phủ điện tử và sự tham gia của xã hội, các cộng đồng thông minh và các giải pháp đào tạo bên trong cộng đồng, sự ổn định xã hội và môi trường của các thành phố. Có thể coi các dự án làng viễn thông, khu dân cư viễn thông ở giai đoạn đỉnh cao phổ biến CNTT như một giải pháp môi trường đặc biệt là minh chứng cho học thuyết của Thorns.Telluride ở Colorado, Colletta di Castelbianco và ParkBit ở Mallorca là những dự án sinh thái đã được thực hiện có ứng dụng công cụ tương tự “thành phố thông minh”. Trong những ví dụ này, hệ thống kỹ thuật số trở thành một khung quy hoạch nữa.

#### **Những khu vườn bền vững của J. Clement**

Tất cả các ví dụ trên đều đề cập tới không gian bền vững địa phương với vai trò đảm bảo quá trình phục hồi trong các hệ thống tự nhiên. Và tư tưởng triết học hoàn chỉnh nhất của cách tiếp cận này đã được kiến trúc sư cảnh quan, nhà thiết kế, nhà thực vật học, sinh thái học người Pháp Jilles Clement thể hiện trong các nghiên cứu của mình.

Năm 1999, J. Clement đã nghiên cứu học thuyết về Vườn hành tinh. Trong Vườn, Clement đã tách biệt "cảnh quan thứ ba", được xác định như một phần của vành đai xanh của thế giới không bị ảnh hưởng bởi con người và là nơi trữ đa dạng sinh học. J.Clement nhìn thấy tiềm năng phục hồi môi trường đô thị trong những không gian này. Do không chịu ảnh hưởng của con người, các không gian trở thành nơi chứa đựng đa dạng thiên nhiên tự nhiên, và việc duy trì chúng là chìa khóa để duy trì sự cân bằng và phát triển bền vững của môi trường đô thị.

Vườn phản ánh mối quan hệ giữa con người với môi trường sinh thái xã hội, và cố gắng tránh sự pha trộn các giá trị tiêu dùng và sinh thái.

Các không gian biến đổi một cách linh hoạt, và được xác định bởi nhiều yếu tố hình thành nên thành phố (kiến trúc, chính trị, kinh tế, thẩm mỹ, xã hội và công nghiệp). Clement gọi đây là các dạng không gian tự nhiên mới tạo ra các hệ sinh thái bên trong đô thị, đồng thời hài hòa với các giá trị lịch sử và văn hóa. Sự phân tán của các không gian này (như những yếu tố đô thị bền vững) sẽ có tác dụng đối với hệ thống đô thị, ngăn cản sự “bò lan” thiếu kiểm soát của cấu trúc đô thị.

### **Kết luận**

Các khu vực đô thị đang ngày càng hướng tới ý tưởng về một thành phố vườn. Với sự phát triển của các công nghệ số, các thành phố vườn của E. Howard đã trải qua một chặng đường tiến hóa và có được hình thái mới - một tập hợp các đơn vị lãnh thổ địa phương như một đô thị sinh - số.

Chính trong những tình huống khủng hoảng mà các quốc gia trên thế giới hiện đang phải đối

mặt, mức độ phân tán nhất định có thể giúp tránh những hậu quả nghiêm trọng. Điều này được chứng minh bởi các hệ thống đô thị nhỏ, các cộng đồng gắn gũi với phong thiên nhiên và gắn kết hài hòa hơn với thiên nhiên. Các thành phố nhỏ cho thấy rõ bước ngoặt từ toàn cầu hóa sang địa phương hóa các quan hệ kinh tế - xã hội, trong đó không gian số có vai trò hỗ trợ, cải thiện sự tích hợp giữa quản lý bên trong và quan hệ bên ngoài của mỗi thành phố.

Có thể thấy hệ thống kỹ thuật số sinh học - văn hóa xã hội chung của các không gian đô thị có khả năng trở thành phương thức thay thế để phát triển môi trường đô thị hiện đại trong tương lai không xa.

**N. Blagodinova**

*Nguồn: Tạp chí Architecture & Modern Information Technologies tháng 7/2020*

**ND: Lê Minh**

## **Sự phát triển và xu thế của công trình hao phí năng lượng gần bằng 0 tại Trung Quốc**

### **1. Hiện trạng phát triển tại Trung Quốc**

Đầu những năm 1980 của thế kỷ XX, Bộ Nhà ở và Xây dựng đô thị và nông thôn Trung Quốc đã bắt đầu tổ chức triển khai công tác tiết kiệm năng lượng công trình. Nguyên tắc xem xét về loại hình công trình và khu vực là: Miền Bắc trước (khu vực lạnh nghiêm trọng và khu vực lạnh), sau đó là khu vực miền Trung (khu vực hè nóng đông lạnh) và khu vực miền Nam (khu vực hè nóng đông ấm/khí hậu ôn hòa); Công trình cư trú trước, sau đó đến công trình công cộng; Công trình mới xây trước, sau đó đến công trình cải tạo. Hiện tại, Trung Quốc đã thiết lập được hệ thống tiêu chuẩn tiết kiệm năng lượng trên toàn bộ 5 khu vực khí hậu và toàn quá trình xây dựng công trình.

Tháng 11/2015, “Hướng dẫn kỹ thuật công trình xanh hao phí năng lượng siêu thấp dạng bị động” hoàn thành việc biên soạn và ban hành. Cuối năm 2015, chiến lược “ba bước đi” trong tiết kiệm năng lượng công trình của Trung Quốc cũng hoàn thành. Thiết kế tiết kiệm năng lượng công trình cư trú tại khu vực lạnh và lạnh nghiêm trọng đạt mức tương đương 65% mức tiết kiệm năng lượng công trình những năm 1980 của thế kỷ trước. Thiết kế tiết kiệm năng lượng công trình công cộng trong phạm vi toàn Trung Quốc đạt mức tương đương 65% mức tiết kiệm năng lượng công trình những năm 1980 của thế kỷ trước. Ngoài các tiêu chuẩn bắt buộc tiếp tục được nâng cao, còn cần có các tiêu chuẩn mang tính hướng dẫn để phục vụ cho

tương lai.

## **2. Những vấn đề tồn tại**

Thời gian phát triển công trình hao phí năng lượng gần bằng 0 tại Trung Quốc khá ngắn, trong giai đoạn đầu, có sự mâu thuẫn về khái niệm trong quá trình thăm dò các dự án mẫu tại các vùng khác nhau, phương pháp tính toán hỗn loạn, danh từ không nhất quán, giới hạn hao phí năng lượng không rõ ràng... Việc làm rõ các khái niệm về công trình hao phí năng lượng bằng 0, công trình hao phí năng lượng gần bằng 0, công trình hao phí năng lượng siêu thấp có lợi cho việc thúc đẩy hơn nữa công tác tiết kiệm năng lượng công trình.

- Công trình hao phí năng lượng bằng 0: Là công trình có năng lực sản xuất năng lượng tái tạo lớn hơn hoặc bằng năng lượng do chính công trình sử dụng, nó là hình thức biểu hiện cao cấp của công trình hao phí năng lượng gần bằng 0, tham số môi trường bên trong công trình tương đồng với công trình hao phí năng lượng gần bằng 0, tận dụng đầy đủ nguồn tài nguyên năng lượng tái tạo của bản thể và xung quanh công trình.

- Công trình hao phí năng lượng gần bằng 0: Là công trình lợi dụng nguồn năng lượng tái tạo, nó thích ứng với đặc trưng khí hậu và điều kiện địa điểm, thông qua thiết kế công trình dạng bị động để giảm tối đa nhu cầu sưởi ấm, điều hòa không khí và chiếu sáng của công trình, thông qua biện pháp kỹ thuật chủ động để nâng cao tối đa hiệu suất thiết bị và hệ thống nguồn năng lượng, tận dụng đầy đủ nguồn năng lượng tái tạo với hao phí năng lượng ít nhất để tạo môi trường trong nhà thoải mái.

- Công trình hao phí năng lượng siêu thấp: Là công trình có thể đạt được mức mà không cần năng lượng tái tạo, nó là hình thức biểu hiện sơ cấp của công trình hao phí năng lượng gần bằng 0, tham số môi trường bên trong công

trình tương đồng với công trình hao phí năng lượng gần bằng 0, chỉ tiêu hiệu quả năng lượng thấp hơn một chút so với công trình hao phí năng lượng gần bằng 0.

Do tăng cường cao độ tính năng bảo ôn ngoài, thông thường độ dày bảo ôn vượt trên 100mm so với tiêu chuẩn hiện hành, điều này khiến tỷ lệ sử dụng thực tế của công trình nhà ở tại các dự án giảm 2% - 5% khiến cho tính tích cực của các nhà khai thác và người tiêu dùng đều giảm. Kiến nghị nên học tập theo cách làm của một số tỉnh và thành phố, đối với công trình hao phí năng lượng gần bằng 0, cần đưa ra phương pháp tính toán sửa đổi về diện tích bảo ôn ngoài, diện tích bảo ôn tăng cường không tính vào diện tích công trình. Đối với vấn đề tính toán hiệu quả năng lượng, kiến nghị sử dụng phần mềm tính toán thống nhất, xác định điều kiện biên thống nhất. Đối với một số dự án mẫu theo đuổi chỉ tiêu nâng cao một cách mù quáng, gia tăng chi phí dự án nhưng không quan tâm tới tình hình hiệu quả tiết kiệm năng lượng, kiến nghị tham khảo tiêu chuẩn quốc gia, sử dụng phương pháp thiết kế tính năng hóa, lấy hiệu quả làm định hướng, lấy đánh giá kinh tế kỹ thuật làm căn cứ, xác định hợp lý chỉ tiêu tính năng quan trọng, tăng cường sự hướng dẫn chuẩn xác của các văn kiện chính phủ.

## **3. Xu thế phát triển**

*Thứ nhất*, thúc đẩy công trình xây dựng không ngừng hướng tới tiêu hao năng lượng thấp hơn đã trở thành xu thế toàn cầu;

*Thứ hai*, công tác nghiên cứu khoa học xây dựng nên hệ thống kỹ thuật của Trung Quốc, tiêu chuẩn quốc gia của Trung Quốc sẽ xác định rõ phương hướng phát triển của ngành xây dựng;

*Thứ ba*, hiệu quả thí điểm mẫu tại các tỉnh và thành phố rất rõ rệt, chính phủ khích lệ thúc đẩy phát triển ngành xây dựng;

*Thứ tư*, sự đồng thuận trong ngành đã hình

thành, các dự án và ngành công nghiệp sẽ chào đón thời kỳ phát triển mạnh mẽ.

Trong tương lai, nhân viên kỹ thuật ngành cần chủ động thiết lập mục tiêu phát triển cho các năm 2020, 2030, 2050, tập trung vào kỹ thuật công trình hao phí năng lượng bằng 0 + thông minh + lành mạnh, tìm tòi xây dựng một nền tảng nghiên cứu cho công nghệ xây dựng trong tương lai và một phòng thí nghiệm xây dựng trong tương lai tích hợp nghiên cứu khoa học, trưng bày và trải nghiệm để giúp cho kỹ

thuật công trình hao phí năng lượng gần bằng 0 sẽ tạo ra nhiều lợi ích hơn nữa cho đất nước và người dân Trung Quốc.

**Từ Vĩ - (Viện trưởng Viện Môi trường và tiết kiệm năng lượng công trình - Viện Khoa học công trình Trung Quốc)**

*Nguồn: TC Xây dựng và Kiến trúc Trung Quốc, số 17/2019*

**ND: Kim Nhạn**

# HỘI THẢO TẬP HUẤN LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT XÂY DỰNG

Hà Nội, ngày 18 tháng 9 năm 2020



*Phó Cục trưởng Cục Quản lý hoạt động xây dựng Bùi Văn Dưỡng giới thiệu Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng tại hội thảo*



*Toàn cảnh Hội thảo*